

TRƯỜNG ĐẠI HỌC LÂM NGHIỆP HÀ NỘI
KHOA KINH TẾ VÀ QUẢN TRỊ KINH DOANH



KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

**THỰC TRẠNG PHÁT TRIỂN KINH TẾ NÔNG NGHIỆP TẠI
XÃ KHẢO MANG, HUYỆN MÙ CANG CHẢI, TỈNH YÊN BÁI**

CHUYÊN NGÀNH: KINH TẾ NÔNG NGHIỆP
MÃ NGÀNH: 7620155

<i>Giáo viên hướng dẫn</i>	: ThS. Vũ Thị Thúy Hằng
<i>Sinh viên thực hiện</i>	: Vàng A Sênh
<i>Mã số sinh viên</i>	: 1754050129
<i>Lớp</i>	: K62 - KTNN
<i>Năm</i>	: 2017 -2021



Hà Nội, 2021

MỤC LỤC

MỤC LỤC	i
DANH MỤC CÁC TỪ VIẾT TẮT	iv
DANH MỤC BẢNG	v
DANH MỤC BIỂU ĐỒ	vi
LỜI MỞ ĐẦU.....	1
1. Tính cấp thiết của đề tài	1
2. Mục tiêu nghiên cứu	1
3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu.....	2
4. Nội dung nghiên cứu.....	2
5. Phương pháp nghiên cứu.....	2
6. Kết cấu của khóa luận	3
Chương 1. CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ NÔNG NGHIỆP ..	4
1.1. Một số khái niệm liên quan đến phát triển kinh tế nông nghiệp	4
1.1.1. Khái niệm về kinh tế nông nghiệp	4
1.1.2. Khái niệm về cơ cấu kinh tế nông nghiệp	4
1.1.3. Khái niệm về chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp	5
1.1.4. Khái niệm về phát triển kinh tế nông nghiệp	5
1.2. Vai trò và đặc điểm của kinh tế nông nghiệp trong phát triển kinh tế	5
1.2.1. Vai trò của kinh tế nông nghiệp trong sự phát triển kinh tế.....	5
1.2.2. Đặc điểm của kinh tế nông nghiệp	7
1.3. Nội dung phát triển kinh tế nông nghiệp.....	9
1.3.1. Phát triển kinh tế nông nghiệp về lượng	9
1.3.2. Phát triển kinh tế nông nghiệp về chất.....	11
1.4. Các nhân tố ảnh hưởng đến phát triển kinh tế nông nghiệp.....	13
1.4.1. Chính sách của Đảng và Nhà nước.....	13
1.4.2. Nhân tố về điều kiện tự nhiên	14
1.4.3. Nhân tố về kinh tế - xã hội.....	15

1.4.4. Nhân tố về tổ chức – kỹ thuật	16
1.5. Các chỉ tiêu đánh giá sự phát triển kinh tế nông nghiệp.....	16
Chương 2. ĐẶC ĐIỂM CƠ BẢN CỦA XÃ KHAO MANG, HUYỆN MÙ CANG CHẢI, TỈNH YÊN BÁI.....	18
2.1. Điều kiện tự nhiên của xã Khao Mang, huyện Mù Cang Chải	18
2.1.1. Vị trí địa lý	18
2.1.2. Diện tích tự nhiên.....	18
2.1.3. Đặc điểm địa hình	18
2.1.4. Khí hậu thời tiết	19
2.1.5. Thủy văn	19
2.1.6. Tài nguyên.....	19
2.2. Tình hình kinh tế - xã hội của xã Khao Mang, huyện Mù Cang Chải.	22
2.2.1. Dân số và lao động.....	22
2.2.2. Cơ sở hạ tầng.....	22
2.2.3. Cơ cấu kinh tế.....	25
2.3. Những thuận lợi và khó khăn ảnh hưởng đến phát triển kinh tế - xã hội của xã Khao Mang, huyện Mù Cang Chải.....	28
2.3.1. Thuận lợi	28
2.3.2. Khó khăn	30
Chương 3. THỰC TRẠNG PHÁT TRIỂN KINH TẾ NÔNG NGHIỆP TẠI XÃ KHAO MANG.....	31
3.1. Thực trạng sản xuất kinh tế nông nghiệp tại xã Khao Mang, huyện Mù Cang Chải, tỉnh Yên Bái.....	31
3.1.1. Giá trị sản xuất nông nghiệp của xã Khao Mang	31
3.1.2. Thực trạng phát triển kinh tế theo nội bộ ngành nông nghiệp của xã Khao Mang	32
3.2. Những yếu tố ảnh hưởng đến sự phát triển kinh tế nông nghiệp trên địa bàn xã Khao Mang.....	42
3.2.1. Nhóm nhân tố tự nhiên	42

3.2.2. Nhóm nhân tố đất đai	43
3.2.3. Nhóm nhân tố khoa học – kỹ thuật.....	43
3.2.4. Nguồn nhân lực.....	43
3.2.5. Nhóm nhân tố kinh tế - xã hội.....	43
3.3. Đánh giá chung sự phát triển kinh tế nông nghiệp của xã Khao Mang	44
3.3.1. Những kết quả đạt được.....	44
3.3.2. Những mặt hạn chế	44
3.4. Một số giải pháp nhằm thúc đẩy phát triển kinh tế nông nghiệp trên địa bàn xã Khao Mang	45
3.4.1. Định hướng, mục tiêu phát triển kinh tế nông nghiệp trên địa bàn xã Khao Mang	45
3.4.2. Một số giải pháp phát triển kinh tế nông nghiệp tại xã Khao Mang.....	48
KẾT LUẬN	52
TÀI LỆU THAM KHẢO	



DANH MỤC CÁC TỪ VIẾT TẮT

Chữ viết tắt

Chữ viết đầy đủ

BVTV	Bảo vệ thực vật
CBQL	Cán bộ quản lý
CNH - HĐH	Công nghiệp hóa – hiện đại hóa
Ha	Hecta
Km	Ki lô mét
NXB	Nhà xuất bản
TBCN	Tư bản chủ nghĩa
Tđptbq	Tốc độ phát triển bình quân
Tđptlh	Tốc độ phát triển liên hoàn
UBND	Ủy Ban Nhân Dân
VSATTP	Vệ sinh an toàn thực phẩm
XHCN	Xã hội chủ nghĩa



DANH MỤC BẢNG

Bảng 2.1: Hiện trạng sử dụng đất của xã Khao Mang năm 2020	20
Bảng 2.2: Diện tích, năng suất, sản lượng một số cây trồng chính của xã Khao Mang năm 2020.....	25
Bảng 2.3: Số lượng gia súc, gia cầm của xã Khao Mang năm 2018 – 2020.....	27
Bảng 3.1: Giá trị sản xuất ngành nông nghiệp của xã Khao Mang giai đoạn năm 2018 – 2020	31
Bảng 3.2: Diện tích gieo trồng lúa của xã Khao Mang năm 2018 – 2020.....	33
Bảng 3.3: Năng suất lúa của xã Khao Mang giai đoạn năm 2018 – 2020	34
Bảng 3.4: Sản lượng lúa của xã Khao Mang giai đoạn năm 2018 – 2020.....	35
Bảng 3.5: Diện tích, năng suất và sản lượng cây ngô của xã Khao Mang giai đoạn năm 2018 – 2020.....	37
Bảng 3.6: Số lượng các con vật nuôi trên địa bàn xã Khao Mang giai đoạn năm 2018 – 2020	38
Bảng 3.7: Chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp trên địa bàn xã Khao Mang giai đoạn 2018 – 2019.....	40



DANH MỤC BIỂU ĐỒ

Biểu đồ 2.1: Diện tích đất của xã Khao Mang năm 2020	20
Biểu đồ 2.2: Cơ cấu sử dụng đất của xã Khao Mang năm 2020.....	21
Biểu đồ 3.1: Thể hiện giá trị sản lượng lúa của xã Khao Mang giai đoạn năm 2018 – 2020	36
Biểu đồ 3.2: Thể hiện chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp của xã Khao Mang giai đoạn năm 2018 – 2020.....	41



LỜI MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Nông nghiệp giữ một vai trò quan trọng trong phát triển kinh tế, đặc biệt đối với các nước đang phát triển. Bởi các nước này đa số là người dân sống dựa vào nghề nông. Để phát triển kinh tế và nâng cao phúc lợi cho nhân dân. Chính phủ cần có chính sách tác động vào nông nghiệp nhằm nâng cao năng suất cây trồng và tạo ra nhiều việc làm ở nông thôn. Trừ một số nước dựa vào tài nguyên phong phú để xuất khẩu, đòi lấy lương thực, còn hầu hết các nước đang phát triển phải sản xuất lương thực cho nhu cầu tiêu dùng của dân số nông thôn cũng như thành thị. Nông nghiệp còn cung cấp các yếu tố đầu vào cho hoạt động kinh tế. Để đáp ứng nhu cầu lâu dài của phát triển kinh tế việc tăng dân số ở khu vực thành thị sẽ không đủ khả năng đáp ứng.

Xã Khao Mang là một xã có những bước phát triển kinh tế xã hội vượt bậc trong những năm gần đây của Huyện Mù Cang Chải – Tỉnh Yên Bái. Định hướng chung của xã trong những năm tới là hướng tới phát triển bền vững cả về kinh tế và xã hội. Ngành nông nghiệp của xã cũng không nằm ngoài xu hướng đó, phát triển bền vững là hướng đi chính trong tương lai. Những năm gần đây, sản xuất nông nghiệp của xã đã đạt được những thành tựu và bước tiến đáng kể, tuy nhiên so với nhu cầu và tiềm năng thì còn nhiều hạn chế. Trình độ dân trí không đồng đều, chưa qua đào tạo và CNH - HĐH nông nghiệp nông thôn còn diễn ra chậm, sản xuất còn nhỏ lẻ manh mún, đầu ra của các sản phẩm chưa ổn định, công nghiệp chế biến chưa phát triển,... đặt ra nhiều thách thức cho phát triển ngành nông nghiệp ở xã Khao Mang.

Từ những vấn đề thực tiễn của sản xuất nông nghiệp đang diễn ra ở địa bàn xã Khao Mang ở trên, để góp phần thực hiện các mục tiêu phát triển nông nghiệp bền vững của xã trong tương lai, em đã lựa chọn đề tài: ***“Thực trạng phát triển kinh tế nông nghiệp tại xã Khao Mang, Huyện Mù Cang Chải, Tỉnh Yên Bái”***.

2. Mục tiêu nghiên cứu

2.1. Mục tiêu tổng quát

Trên cơ sở đánh giá thực trạng phát triển kinh tế nông nghiệp trên địa bàn xã Khao Mang - Huyện Mù Cang Chải - Tỉnh Yên Bái từ năm 2018 - 2020, từ

đó đề xuất một số giải pháp phát triển kinh tế nông nghiệp tại địa phương trong thời gian tới.

2.2. Mục tiêu cụ thể

- Tìm hiểu đặc điểm về điều kiện tự nhiên, dân số, kinh tế - xã hội xã Khao Mang.
- Phân tích thực trạng về phát triển kinh tế nông nghiệp trên địa bàn xã Khao Mang trong giai đoạn 2018 – 2020.
- Phân tích những yếu tố ảnh hưởng những thuận lợi, khó khăn đến sự phát triển kinh tế nông nghiệp của xã Khao Mang.
- Đề xuất một số giải pháp nhằm thúc đẩy phát triển kinh tế nông nghiệp tại xã Khao Mang trong tương lai.

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

3.1. Đối tượng nghiên cứu

Tập trung nghiên cứu sự phát triển kinh tế nông nghiệp, bao gồm: trồng trọt và chăn nuôi.

3.2. Phạm vi nghiên cứu

- Về không gian: Tại xã Khao Mang, huyện Mù Cang Chải, tỉnh Yên Bái.
- Về thời gian: Từ năm 2018 - 2020.

4. Nội dung nghiên cứu

- Cơ sở lý luận về phát triển kinh tế nông nghiệp
- Đặc điểm cơ bản của xã Khao Mang.
- Thực trạng phát triển kinh tế nông nghiệp trên địa bàn xã Khao Mang giai đoạn 2018 - 2020.
- Một số giải pháp nhằm thúc đẩy phát triển kinh tế nông nghiệp trên địa bàn xã Khao Mang.

5. Phương pháp nghiên cứu

5.1. Phương pháp thu thập số liệu

- Phương pháp thu thập số liệu thứ cấp:
 - + Thu thập số liệu liên quan đến tình hình, đặc điểm cơ bản của xã. Tình hình phát triển kinh tế nông nghiệp của xã.
 - + Thu thập các báo cáo kết quả sản xuất nông nghiệp hàng năm của xã Khao Mang - huyện Mù Cang Chải - tỉnh Yên Bái giai đoạn 2018 - 2020.

+ Thu thập các tài liệu, thông tin đã được công bố có liên quan đến đề tài nghiên cứu như: tài liệu về điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội của khu vực nghiên cứu.

+ Thu thập các đề tài nghiên cứu có liên quan đến vấn đề nghiên cứu, tác động nghiên cứu và đề xuất giải pháp của đề tài.

+ Các tài liệu được thu thập từ UBND xã Khao Mang. Ngoài ra còn thu thập các tài liệu về vấn đề phát triển kinh tế nông nghiệp trên các tạp chí chuyên ngành, sách, báo và trên những thông tin phương tiện truyền thông đại chúng.

5.2. Phương pháp phân tích và xử lý số liệu

Căn cứ vào mục tiêu của đề tài, tôi đã tiến hành thu thập những số liệu cần có và phân tích các số liệu đó. Tuy nhiên để phân tích được, tôi bắt đầu sử dụng các phương pháp tính tốc độ phát triển bình quân, tốc độ phát triển liên hoàn và tỷ lệ nhằm cho thấy sự thay đổi qua từng năm của kinh tế nông nghiệp của xã. Từ đó có thể nhận biết được những thành tựu đã đạt được và những hạn chế cần khắc phục để đưa kinh tế nông nghiệp của xã ngày càng phát triển.

- Phương pháp thống kê so sánh, mô tả: mô tả các chỉ số lớn nhất, nhỏ nhất, tổng số, số bình quân, tỷ trọng...

- Phương pháp tổng hợp và phân tích số liệu: thông qua công cụ xử lý số liệu bằng Microsoft Excel qua đó tiến hành phân tích và đánh giá.

6. Kết cấu của khóa luận

Mở đầu

Chương 1: Cơ sở lý luận về phát triển kinh tế nông nghiệp;

Chương 2: Đặc điểm cơ bản của xã Khao Mang;

Chương 3: Thực trạng phát triển kinh tế nông nghiệp của xã Khao Mang;

Kết luận;

Tài liệu tham khảo.



Chương 1

CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ NÔNG NGHIỆP

1.1. Một số khái niệm liên quan đến phát triển kinh tế nông nghiệp

1.1.1. Khái niệm về kinh tế nông nghiệp

Kinh tế nông nghiệp là một ngành kinh tế của quốc dân có chức năng phân tích ảnh hưởng của các quy luật kinh tế trong nông nghiệp, áp dụng những thành tựu kinh tế vào thực tế lãnh đạo của các cơ sở nông nghiệp, tạo điều kiện phát triển lực lượng sản xuất.

Kinh tế nông nghiệp còn là một môn khoa học nghiên cứu những vấn đề kinh tế của sản xuất nông nghiệp, mối quan hệ giữa người với người, tác động và sự vận dụng cụ thể các quy luật kinh tế vào sản xuất và phân phối sản phẩm trong nội bộ ngành nông nghiệp.

Kinh tế nông nghiệp theo nghĩa rộng, nghĩa hẹp: Nông nghiệp theo nghĩa rộng (bao gồm cả lâm nghiệp, ngư nghiệp), theo nghĩa hẹp nó là một ngành trực tiếp trồng trọt lương thực, chăn nuôi, ở khóa luận này nông nghiệp được nghiên cứu theo nghĩa rộng của nó.

1.1.2. Khái niệm về cơ cấu kinh tế nông nghiệp

Cơ cấu kinh tế nông nghiệp là một tổng thể, các quan hệ đó là các mối quan hệ tỷ lệ về số lượng, chất lượng và các mối quan hệ tương tác lẫn nhau giữa các bộ phận cấu thành. Nên nông nghiệp bao gồm các ngành sản xuất nông, lâm, ngư nghiệp các vùng sản xuất nông nghiệp và các thành phần kinh tế trong nông nghiệp.

Cơ cấu kinh tế nông nghiệp là một bộ phận cấu thành rất quan trọng trong cơ cấu nền kinh tế quốc dân, mặc dù đất nước đang trong quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa cổ xu hướng giảm tỷ lệ nông - lâm - ngư nghiệp nhưng vẫn phải duy trì ở tỷ lệ hợp lý, vì nó có ý nghĩa hết sức quan trọng với những nhu cầu cấp thiết của con người và đối với sự phát triển kinh tế xã hội ở nước ta.

1.1.3. Khái niệm về chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp

Chuyển dịch là sự thay đổi quan hệ về mặt lượng các thành phần, các yếu tố và các bộ phận hợp thành kinh tế nông nghiệp theo xu hướng nhất định.

Cơ cấu kinh tế nói chung và cơ cấu kinh tế nông nghiệp nói riêng không phải là bất biến mà sẽ vận động phát triển và chuyển hóa từ cơ cấu kinh tế cũ sang cơ cấu kinh tế mới. Sự chuyển dịch đó đòi hỏi phải có thời gian và trải qua những bậc thang nhất định của sự phát triển. Đầu tiên là sự thay đổi về lượng đã tích lũy đến độ nhất định tất yếu dẫn đến sự thay đổi về chất. Đó là quá trình chuyển hóa từ cơ cấu kinh tế cũ thành cơ cấu kinh tế mới phù hợp và có hiệu quả hơn.

Vai trò, vị trí của chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp nhằm đáp ứng sự phát triển của kinh tế thị trường, đáp ứng nhu cầu về sản phẩm nông nghiệp cho xã hội nhu cầu tiêu dùng của dân cư. Đó là điều giúp mở rộng thị trường, tạo cơ sở cho việc thay đổi bộ mặt nông thôn có chuyên môn hóa cao, thâm canh tiên tiến và các ngành liên kết chặt chẽ với nhau hơn.

1.1.4. Khái niệm về phát triển kinh tế nông nghiệp

Phát triển kinh tế nông nghiệp là quá trình lớn lên (hay tăng tiến) về mọi mặt của nền kinh tế nông nghiệp trong một thời kì nhất định. Phát triển kinh tế nông nghiệp theo những khía cạnh sau: phát triển sức sản xuất trong nông nghiệp; phát triển phân công lao động trong nông nghiệp; nâng cao dân trí; giải quyết tốt vấn đề môi trường.

1.2. Vai trò và đặc điểm của kinh tế nông nghiệp trong phát triển kinh tế

1.2.1. Vai trò của kinh tế nông nghiệp trong sự phát triển kinh tế

Nông nghiệp là một trong những nền kinh tế quan trọng và phức tạp. Nó chỉ là một ngành kinh tế đơn thuần mà còn là một hệ thống sinh học, kỹ thuật, bởi vì một mặt cơ sở để phát triển nông nghiệp là việc sử dụng tiềm năng sinh học, cây trồng vật nuôi. Chúng phát triển theo quá trình sinh học nhất định, con người không thể ngăn cản các quá trình phát sinh phát triển và diệt vong của chúng, mà phải trên cơ sở nhận thức đặc điểm các quá trình để có những giải

pháp tác động thích hợp với chúng. Mặt khác, quan trọng hơn là phải làm cho người sản xuất có sự quan tâm thỏa đáng, gắn lợi ích của họ với sử dụng quá trình sinh học đó nhằm tạo ra ngày càng nhiều sản phẩm cuối cùng hơn.

- Nông nghiệp là ngành sản xuất vật chất cơ bản giữ vai trò to lớn trong việc phát triển kinh tế ở hầu hết các nước nhất là nước đang phát triển.

- Nông nghiệp sản xuất và cung cấp lương thực, thực phẩm và những sản phẩm tiêu dùng khác có nguồn gốc từ nông sản cho nhu cầu thiết yếu của con người.

- Nông nghiệp có vai trò quan trọng trong công việc cung cấp các yếu tố đầu vào cho công nghiệp, cho công nghiệp và khu vực thành thị. Điều đó thể hiện chủ yếu ở các mặt:

- + Nông nghiệp đặc biệt là nông nghiệp của các nước đang phát triển là khu vực dự trữ và cung cấp lao động cho phát triển nông nghiệp và đô thị.

- + Khu vực nông nghiệp còn cung cấp nguồn nguyên liệu to lớn và quý báu cho công nghiệp đặc biệt là công nghiệp chế biến.

- + Với các nước đang trong giai đoạn đầu của quá trình công nghiệp hóa, nông nghiệp là nguồn cung cấp vốn lớn nhất cho sự phát triển kinh tế trong đó có công nghiệp, nhất là giai đoạn đầu công nghiệp hóa.

- + Nông nghiệp và nông thôn là thị trường tiêu thụ lớn của công nghiệp, ở hầu hết các nước đang phát triển sản phẩm công nghiệp bao gồm tư liệu dùng và tư liệu sản xuất được tiêu thụ chủ yếu dựa vào thị trường trong cả nước mà trước hết là khu vực nông nghiệp và nông thôn.

- Nông nghiệp được coi là ngành đem lại thu nhập ngoại tệ lớn. Các loại nông, lâm, thủy sản dễ dàng xâm nhập thị trường quốc tế hơn so với các hàng hóa công nghiệp. Vì thế ở các nước đang phát triển nguồn xuất khẩu để có ngoại tệ chủ yếu dựa vào các loại nông, lâm, thủy sản.

- Nông nghiệp và nông thôn có vai trò to lớn là cơ sở cho sự phát triển bền vững của môi trường.

Tóm lại, với nền kinh tế thị trường vai trò của nông nghiệp cho sự phát triển bao gồm hai đóng góp là:

- + Đóng góp về thị trường, cung cấp cho thị trường trong nước và nước ngoài sản phẩm tiêu dùng cho các khu vực khác.

- + Đóng góp về nhân tố diễn ra khi có sự chuyển dịch các nguồn lực (lao động vốn...) từ nông nghiệp sang khu vực khác.

1.2.2. Đặc điểm của kinh tế nông nghiệp

Nông nghiệp là một trong hai ngành sản xuất vật chất chủ yếu của xã hội. Sản xuất nông nghiệp có những đặc điểm chung mà những ngành khác không có. Cụ thể:

Thứ nhất: Sản xuất nông nghiệp được tiến hành trên địa bàn rộng lớn, phức tạp, phụ thuộc vào điều kiện tự nhiên mang tính khu vực rõ rệt. Đặc điểm đó cho thấy ở đâu có đất và lao động thì có thể có tiến hành sản xuất nông nghiệp. Nhưng ở mỗi vùng, mỗi quốc gia có điều kiện đất đai, khí hậu và thời tiết khác nhau và sẽ thích hợp với loại cây trồng và vật nuôi khác nhau.

Đặc điểm này đòi hỏi phải biết tổ chức tốt để khai thác các nguồn lực và lợi thế phù hợp với đặc điểm của từng vùng, có như vậy mới làm đảm bảo nông nghiệp mỗi vùng đều phát triển bền vững.

Thứ hai: Ruộng đất là tư liệu sản xuất chủ yếu không thể thay thế được trong nông nghiệp. Hơn nữa đất đai còn là tư liệu sản xuất đặc biệt, khác hẳn với những tư liệu sản xuất thông thường khác.

Khi nói về ruộng đất C. Mác viết: “Bản thân ruộng đất phát huy tác dụng như một công cụ sản xuất, trong lúc đó công xưởng đất chỉ dùng làm nền móng, làm địa điểm, làm cơ sở tiến hành những thao tác, chứ không làm công cụ sản xuất hoặc chỉ làm công cụ sản xuất trong những giới hạn rất hẹp”. Do đó cần quản lý đất đai về mặt cả về mặt kỹ thuật, kinh tế, pháp chế. Đó là phải sử dụng đất đai có hiệu quả và tiết kiệm.

Thứ ba: Đối tượng của sản xuất nông nghiệp là cơ thể sống, cây trồng và vật nuôi. Các loại cây trồng và vật nuôi phát sinh, phát triển theo quy luật sinh

học đòi hỏi con người phải biết kết hợp đồng bộ các biện pháp kỹ thuật và kinh tế để việc trồng trọt và chăn nuôi đạt hiệu quả cao.

Thứ tư: Sản xuất nông nghiệp mang tính thời vụ cao. Đó là nét đặc thù điển hình nhất của sản xuất nông nghiệp. Bởi vì một mặt quá trình sản xuất nông nghiệp là quá trình tái sản xuất kinh tế gắn với quá trình tái sản xuất tự nhiên; thời gian hoạt động và thời gian sản xuất xen kẽ vào nhau.

Trên đây là những đặc điểm chung của nông nghiệp mà bất kì quốc gia nào cũng có. Nông nghiệp nước ta ngoài những đặc điểm chung còn có những đặc điểm riêng sau:

Một là: Nông nghiệp nước ta đang từ tình trạng lạc hậu, tiến lên xây dựng nền nông nghiệp sản xuất hàng hóa theo định hướng XHCN không qua giai đoạn TBCN. Để chuyển đổi từ nền nông nghiệp lạc hậu sang nền kinh tế thị trường định hướng XHCN, nước ta đòi hỏi giải quyết hàng loạt các vấn đề kinh tế - xã hội, kỹ thuật, tổ chức. Tăng cường đào tạo bồi dưỡng đội ngũ các bộ khoa học – kỹ thuật, đội ngũ cán bộ quản lý kinh tế và quản lý kinh doanh cho nông nghiệp và nông thôn.

Hai là: Nông nghiệp nước ta là nền nông nghiệp nhiệt đới gió mùa, có pha trộn tính chất ôn đới, nhất là ở miền Bắc và được trải rộng trên bốn vùng rộng lớn, phức tạp: trung du, miền núi, đồng bằng và ven biển. Đặc điểm này đem lại cho nông nghiệp cơ bản. Đó là hằng năm có lượng mưa trung bình tương đối lớn, đảm bảo nguồn nước ngọt cho sản xuất và đời sống, có năng lượng mặt trời dồi dào, cây trồng vật nuôi phong phú, đa dạng. Bên cạnh những thuận lợi trên nông nghiệp nước ta cũng có những khó khăn như mưa nhiều gây lũ lụt, ngập úng; nắng nhiều gây khô hạn; khí hậu ẩm ướt; sâu bệnh; dịch bệnh dễ phát sinh và lây lan gây ra những tổn thất lớn cho mùa vụ.

Vì vậy, chúng ta phải phát huy lợi thế so sánh để khai thác có hiệu quả các sản phẩm nông nghiệp nhiệt đới. Đồng thời khắc phục những khó khăn để đảm bảo cho sản xuất nông nghiệp phát triển nhanh chóng và vững chắc.

1.3. Nội dung phát triển kinh tế nông nghiệp

1.3.1. Phát triển kinh tế nông nghiệp về lượng

1.3.1.1. Tăng quy mô sản lượng

Trong đất nông nghiệp cũng có sự thay đổi đáng kể theo hướng tăng lên cả đối với đất sản xuất nông nghiệp, đất lâm nghiệp và mặt nước nuôi trồng thủy sản nhờ đẩy mạnh khai hoang, thủy lợi đi đôi và cải tạo đất. Tuy nhiên cơ cấu đất nông nghiệp lại có sự thay đổi mạnh mẽ do chuyển dịch cơ cấu sản xuất và cơ cấu cây trồng, vật nuôi trong nông nghiệp thời gian qua. Nhưng nhìn chung quy mô sử dụng đất của hộ rất nhỏ.

Để mở rộng quy mô trước tiên cần phát triển các dự án chăn nuôi, trồng trọt với quy mô lớn, nhất là cần có các chính sách để giải quyết vấn đề diện tích manh mún, nhỏ lẻ tại miền Bắc và miền Trung. Đồng thời, chú trọng đào tạo, tuyên truyền cho bà con nông dân thay đổi dần tập quán sản xuất.

Cụ thể, mở rộng mô hình cánh đồng mẫu lớn tại các vùng, địa phương để thuận lợi trong quá trình trồng trọt, chăm sóc và thu hoạch vì áp dụng được công nghệ GPS. Riêng đối với chăn nuôi vèu xây dựng được vùng nguyên liệu với quy mô lớn sẽ đáp ứng nhu cầu thức ăn cho gia súc cũng như áp dụng được công nghệ mới trong chăm sóc để đảm bảo các yêu cầu về VSATTP của các thị trường xuất khẩu.

1.3.1.2. Tăng giá trị sản xuất nông nghiệp

Giá trị sản xuất nông nghiệp là chỉ tiêu tổng hợp phản ánh toàn bộ kết quả lao động trực tiếp hữu ích của ngành nông nghiệp trong một thời kì nhất định và được thể hiện bằng giá trị của sản phẩm vật chất và dịch vụ sản xuất ra trong thời kì của ngành nông nghiệp.

1.3.1.3. Tăng trưởng các ngành trong nội bộ sản xuất nông nghiệp

Giá trị sản xuất nông nghiệp bao gồm giá trị sản xuất của 4 nhóm hoạt động:

** Giá trị sản xuất của hoạt động trồng trọt bao gồm:*

- Giá trị sản phẩm thực tế có thu hoạch của các loại cây trồng lâu năm: lúa, ngô và các loại cây lương thực có hạt; cây lấy củ có chứa chất bột, mía, thuốc lá, thuốc Lào, các cây lấy sợi, rau, dưa ăn quả hàng năm...

- Giá trị sản phẩm thực tế có thu hoạch của cây trồng lâu năm: cây ăn quả lâu năm; cây lấy quả chứa dầu; hồ tiêu; cao su; cà phê; chè; cây gia vị.

- Giá trị sản phẩm phụ của các cây trồng nông nghiệp thực tế có sử dụng như: rơm, rạ, than cây ngô, than cây lạc, dây khoai lang.

** Giá trị sản xuất của hoạt động chăn nuôi bao gồm:*

- Giá trị sản phẩm chính chăn nuôi thu được như: trọng lượng thịt hơi tăng lên trong kỳ (gồm trọng lượng thịt hơi xuất chuồng và chênh lệch trọng lượng hơi cuối kỳ và đầu kỳ) của trâu, bò, lợn, gia cầm... không tính chênh lệch trọng lượng hơi cuối kỳ và đầu kỳ của đàn gia súc cơ bản.

- Giá trị sản phẩm thu được không qua giết thịt như trứng sữa...

- Giá trị sản phẩm bán ra/giết thịt của các vật nuôi khác (chăn nuôi khác): chó, mèo, tằm...

** Giá trị sản xuất hoạt động dịch vụ nông nghiệp bao gồm:*

- Giá trị sản xuất hoạt động dịch vụ phục vụ cây trồng gồm: xử lý cây trồng; phun thuốc bảo vệ thực vật; phòng chống sâu bệnh; cắt; xén; tỉa cây lâu năm; làm đất; tưới tiêu...

- Giá trị doanh thu các hoạt động phục vụ chăn nuôi gồm: bảo hiểm vật nuôi; kiểm dịch vật nuôi; rửa chuồng trại; lấy phân...

- Giá trị doanh thu của các hoạt động dịch vụ sau thu hoạch gồm: giá trị nhân khâu chuẩn bị trước khi bán sản phẩm (làm sạch, phân loại, sơ chế, phơi sấy).

** Giá trị sản xuất hoạt động săn bắt, đánh bắt và hoạt động dịch vụ có liên quan:*

- Săn bắt và bắt thú để bán, để làm thực phẩm, lấy lông, lấy da để phục vụ cho mục đích nghiên cứu, nuôi trong sở thú hay trong gia đình...

1.3.2. Phát triển kinh tế nông nghiệp về chất

**** Chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp hợp lý***

Chuyển dịch là sự thay đổi quan hệ về mặt lượng các thành phần, các yếu tố và các bộ phận hợp thành kinh tế nông nghiệp theo xu hướng nhất định.

Cơ cấu kinh tế nói chung và cơ cấu kinh tế nông nghiệp nói riêng không phải là bất biến mà sẽ vận động phát triển và chuyển hóa từ cơ cấu kinh tế cũ sang cơ cấu kinh tế mới. Sự chuyển dịch đó đòi hỏi phải có thời gian và trải qua những bậc thang nhất định của sự phát triển. Đầu tiên là sự thay đổi về lượng đã tích lũy đến độ nhất định tất yếu dẫn đến sự thay đổi về chất. Đó là quá trình chuyển hóa từ cơ cấu kinh tế cũ thành cơ cấu kinh tế mới phù hợp và có hiệu quả hơn.

**** Hoàn thiện tổ chức sản xuất nông nghiệp***

Hoàn thiện tổ chức sản xuất nông nghiệp nhằm đáp ứng sự phát triển của kinh tế thị trường, đáp ứng nhu cầu về sản phẩm nông nghiệp cho xã hội, nhu cầu tiêu dùng của dân cư. Đó là điều giúp mở rộng thị trường, tạo cơ sở cho việc thay đổi bộ mặt nông thôn có chuyên môn hóa cao, thâm canh tiên tiến và các ngành liên kết chặt chẽ với nhau hơn.

**** Tăng năng suất nông nghiệp***

Xây dựng nền nông nghiệp phát triển toàn diện theo hướng hiện đại, bền vững, sản xuất hàng hóa lớn trên cơ sở phát huy các lợi thế so sánh; áp dụng khoa học công nghệ để tăng năng suất, chất lượng, hiệu quả và khả năng cạnh tranh cao, đảm bảo vững chắc an ninh lương thực quốc gia cả trước mắt và lâu dài, đáp ứng nhu cầu đa dạng trong nước và xuất khẩu; nâng cao hiệu quả sử dụng đất đai, nguồn nước, lao động và nguồn vốn; nâng cao thu nhập và đời sống của nông dân,... là mục tiêu quan trọng trong chiến lược phát triển ngành nông nghiệp Việt Nam, đặc biệt trong bối cảnh nước ta đang trong tiến trình hội nhập sâu rộng vào nền kinh tế thế giới.

** Giải quyết việc làm nâng cao thu nhập cho nông nghiệp*

- Lao động nông thôn chủ yếu thuộc bộ phận dân số không có việc làm thường xuyên, hay còn gọi là thiếu việc làm hoặc bán thất nghiệp. Trong nông thôn, lao động trồng trọt có tính thời vụ rất rõ rệt, do đó hiện tượng thiếu việc làm thể hiện rất rõ. Để hạn chế vấn đề này, cần phải đẩy mạnh thâm canh tăng vụ, lựa chọn công thức luân canh hợp lý và đa dạng hóa các sản phẩm nông nghiệp. Tuy nhiên, điều đó cung chỉ hạn chế tính thời vụ chứ không thể khắc phục được hoàn toàn. Vì vậy, cần phải có sự bổ sung của ngành chăn nuôi và các ngành nghề phi nông nghiệp. Ngành chăn nuôi sử dụng lao động đều đặn hơn trồng trọt, tuy nhiên các hộ nông dân có quy mô chăn nuôi lớn mang tính hàng hóa còn rất ít, do đó hoạt động chăn nuôi trong các nông hộ chủ yếu là sử dụng thời gian làm tranh thủ trong ngày. Trong những ngày nhàn rỗi, lao động dành cho chăn nuôi cũng chỉ chiếm rất ít thời gian lao động trong ngày.

** Bảo vệ môi trường sống và sản xuất nông nghiệp*

Để hạn chế tình trạng ô nhiễm môi trường từ hoạt động sản xuất nông nghiệp, những năm qua các cấp, các ngành và các địa phương đã triển khai thực hiện nhiều biện pháp hữu hiệu như:

- Về chăn nuôi: phải thường xuyên phối hợp với các địa phương tổ chức, đánh giá hiện trạng, tác động của ô nhiễm môi trường đối với phát triển kinh tế - xã hội và có biện pháp xử lý các cơ sở chăn nuôi gây ô nhiễm; Đồng thời vận động người dân đầu tư, xây dựng mô hình chăn nuôi an toàn sinh học, công nghệ khí sinh học diogas nhằm xử lý chất thải chăn nuôi, giảm mùi hôi thối, diệt khuẩn có hại và tăng khả năng phòng, chống dịch bệnh cho vật nuôi, nâng cao hiệu quả chăn nuôi.

- Lĩnh vực thủy sản: nên tăng cường quản lý thức ăn, hóa chất, thuốc kháng sinh, chế phẩm sinh học sử dụng trong nuôi trồng thủy sản; Hướng dẫn bà con thực hiện nghiêm túc quy trình nuôi, nhất là quy trình chuẩn bị ao nuôi; Tiến hành quan trắc mẫu nước, xét nghiệm các chỉ tiêu kỹ thuật quan trắc, cảnh báo môi trường nước nuôi trồng thủy sản, từ đó khuyến cáo người dân không

nên thả nuôi mới vào thời điểm độ mặn của nước xuống thấp và không nên cấp nước trực tiếp vào ao nuôi, cần phải qua ao lắng để xử lý một số chỉ tiêu lý hóa như độ kiềm, độ trong, chỉ số $\text{NH}_4 - \text{N}$... nhằm đảm bảo chất lượng nước phù hợp nhất khi đưa vào ao nuôi.

- Lĩnh vực thủy lợi: Điều tiết vận hành công trình phù hợp, đảm bảo tưới tiêu theo hướng ngăn mặn xả ô nhiễm; Đầu tư nâng cấp, duy tu, sửa chữa các công trình nhằm giảm thiểu nguồn nước bị ô nhiễm trên kênh, rạch; quan trắc mẫu nước để xác định diễn biến chất lượng nguồn nước. Làm cơ sở cho việc vận hành công trình hiệu quả, hạn chế thiệt hại có thể xảy ra, đảm bảo nguồn nước phục vụ sản xuất nông nghiệp.

- Đối với ngành trồng trọt: cần ứng dụng rộng rãi công nghệ phòng trừ dịch hại tổng hợp (IPM) trong phòng trừ sâu bệnh cây trồng. Nhân rộng các mô hình sản xuất nông nghiệp công nghệ cao, ứng dụng công nghệ sạch vào sản xuất. Kiểm soát chặt chẽ việc lưu hành và sử dụng thuốc BVTV không có trong danh mục cho phép. Sau khi phun thuốc phải bảo đảm đúng thời gian cách ly mới được thu hoạch sản phẩm... các công tác này góp phần giúp nông dân sử dụng thuốc hóa học trên đồng ruộng một cách đúng đắn, phù hợp, tiết kiệm, đảm bảo môi trường sinh thái và sức khỏe người sử dụng.

Chúng ta phải luôn xác định bảo vệ môi trường nông nghiệp nông thôn là một công việc lâu dài, phải làm công phu, bền bỉ, cần được thực hiện một cách đồng bộ giữa các cấp, các ngành, phối hợp chặt chẽ với người dân thông qua công tác tuyên truyền, phổ biến.

1.4. Các nhân tố ảnh hưởng đến phát triển kinh tế nông nghiệp

1.4.1. Chính sách của Đảng và Nhà nước

Phát triển nông nghiệp và nông thôn là vấn đề chiến lược, có vai trò to lớn trong sự nghiệp đổi mới đất nước. Bởi Đảng và Nhà nước luôn đề ra mục tiêu CNH – HĐH nông nghiệp, nông thôn.

Nông nghiệp giữ vị trí quan trọng trong phát triển kinh tế đặc biệt là các nước đang phát triển. Bởi vì ở các nước này đa số người dân sống dựa vào nghề nông.

- Để phát triển kinh tế nông nghiệp, nâng cao phúc lợi cho nhân dân. Chính phủ cần có Chính sách tác động vào khu vực nông nghiệp nhằm nâng cao năng suất cây trồng và tạo việc làm cho nông thôn.

- Khu vực nông nghiệp là một nguồn cung cấp vốn cho phát triển kinh tế, có ý nghĩa lớn là vốn tích lũy ban đầu cho công nghiệp hóa.

- Dân số nông thôn ở các nước phát triển là thị trường quan trọng để tiêu thụ sản phẩm công nghiệp như tư liệu sản xuất và hàng tiêu dùng.

- Phát triển nông nghiệp, nông thôn để xóa dần khoảng cách giữa thành thị và nông thôn, để từ đó đất nước được phát triển toàn diện.

Hiện nay Đảng và Nhà nước đang đẩy mạnh công tác cập nhật và ứng dụng khoa học công nghệ mới nhất cho nông nghiệp, đặc biệt là các nghiên cứu về cây trồng, vật nuôi, giống mới cho ra năng suất cao và thời gian cho thu hoạch ngắn đi, đáp ứng cho nhu cầu trong nước và xuất khẩu.

Kinh tế nông nghiệp trong thời gian qua có sự chuyển dịch đáng kể, góp phần làm cho đời sống người nông dân cải thiện đáng kể. Điều đó chứng tỏ những Chính sách về vốn đầu tư cho phát triển kinh tế nông nghiệp, các Chính sách hỗ trợ nông dân phát triển sản xuất, chuyển giao công nghệ đã mang lại hiệu quả. Bên cạnh đó để tạo điều kiện cho việc thực hiện chuyên môn hóa, thâm canh cao trong việc sản xuất nông nghiệp Nhà nước cũng có Chính sách ruộng đất đảm bảo cho nông dân yên tâm đầu tư phát triển kinh tế nông nghiệp.

1.4.2. Nhân tố về điều kiện tự nhiên

Các nhân tố tự nhiên là tiền đề cơ bản để phát triển và phân bố nông nghiệp. Mỗi loại cây trồng, vật nuôi chỉ có thể sinh trưởng và phát triển trong những điều kiện tự nhiên nhất định. Các điều kiện tự nhiên quan trọng hàng đầu là đất, nước, khí hậu. Chúng sẽ quyết định khả năng nuôi trồng các loại cây trồng, vật nuôi cụ thể trên từng lãnh thổ, khả năng áp dụng các quy trình sản xuất nông nghiệp, đồng thời có ảnh hưởng lớn đến năng suất cây trồng vật nuôi.

1.4.2.1. Đất đai

Đất đai là cơ sở đầu tiên, quan trọng nhất để tiến hành trồng trọt, chăn nuôi. Quỹ đất, tính chất đất và độ phì của đất có ảnh hưởng đến quy mô, cơ cấu,

năng suất và sự phân bố cây trồng, vật nuôi, đất nào cây ấy. Kinh nghiệm dân gian đã chỉ rõ vai trò của đất đối với sự phát triển và phân bố nông nghiệp.

Nguồn tài nguyên đất nông nghiệp trên thế giới rất hạn chế chỉ chiếm 12% diện tích tự nhiên, trong khi số dân vẫn không ngừng tăng lên. Đối với Việt Nam diện tích đất nông nghiệp đang có xu hướng giảm xuống do tốc độ tăng dân số và đô thị hóa ngày càng cao. Đó là chưa kể đến việc mất đất do nhiều nguyên nhân như xói mòn, rửa trôi, nhiễm mặn và chuyển đổi mục đích sử dụng.

1.4.2.2. Khí hậu và nguồn nước

Khí hậu và nguồn nước có ảnh hưởng mạnh mẽ tới việc xác định cơ cấu cây trồng, thời vụ, khả năng xen canh, tăng vụ và hiệu quả sản xuất nông nghiệp ở từng địa phương. Sự phân chia các đới trồng trọt chính trên thế giới như nhiệt đới, cận đới, ôn đới và cận cực liên quan tới sự phân đới khí hậu. Sự phân mùa của khí hậu quy định tính mùa vụ trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm.

1.4.2.3. Sinh vật

Sinh vật với các loại cây con, đồng cỏ và nguồn thức ăn tự nhiên là cơ sở để thuần dưỡng, tạo nên các giống cây trồng và vật nuôi, cơ sở thức ăn tự nhiên cho gia súc và tạo điều kiện cho phát triển chăn nuôi.

1.4.3. Nhân tố về kinh tế - xã hội

Các nhân tố về kinh tế - xã hội có ảnh hưởng lớn tới phát triển kinh tế nông nghiệp.

1.4.3.1. Dân cư và nguồn lao động

Dân cư và nguồn lao động ảnh hưởng tới hoạt động nông nghiệp ở hai mặt: vừa là lực lượng sản xuất trực tiếp vừa là nguồn tiêu thụ các nông sản. Các cây trồng và vật nuôi cần nhiều công chăm sóc đều phải phân bố ở những nơi đông dân, có nhiều lao động. Truyền thống sản xuất, tập quán ăn uống của các dân tộc có ảnh hưởng không nhỏ tới phân bố cây trồng vật nuôi.

1.4.3.2. Các quan hệ sở hữu ruộng đất

Các quan hệ sở hữu ruộng đất có ảnh hưởng rất lớn tới con đường phát triển kinh tế nông nghiệp và các hình thức tổ chức sản xuất nông nghiệp. Việc

thay đổi quan hệ sở hữu ruộng đất ở mỗi quốc gia thường gây ra những tác động rất lớn tới phát triển kinh tế nông nghiệp.

1.4.3.3. Tiến bộ khoa học – kỹ thuật

Tiến bộ khoa học kỹ thuật trong nông nghiệp thể hiện tập trung ở biện pháp cơ giới hóa (sử dụng máy móc trong các khâu làm đất, chăm sóc thu hoạch), thủy lợi hóa (xây dựng hệ thống kênh tưới tiêu, hoặc áp dụng tưới tiêu theo khoa học), hóa học hóa (sử dụng rộng rãi phân hóa học, thuốc trừ sâu, diệt cỏ, chất kích thích cây trồng...), điện khí hóa (sử dụng điện trong nông nghiệp), thực hiện cuộc cách mạng xanh (tạo ra và sử dụng các giống mới có năng suất cao), và áp dụng công nghệ sinh học (lai giống, biến đổi gen cây mô...).

1.4.3.4. Thị trường

Thị trường tiêu thụ có tác động mạnh mẽ đến phát triển kinh tế nông nghiệp và giá cả nông sản. Thị trường còn có tác dụng điều tiết đối với sự hình thành và phát triển các vùng chuyên môn hóa nông nghiệp. Xung quanh thành phố, các trung tâm công nghiệp lớn ở nhiều nước trên thế giới đều hình thành vành đai nông nghiệp ngoại thành với hướng chuyên môn hóa sản xuất rau, thịt, sữa, trứng cung cấp cho nhu cầu của dân cư.

1.4.4. Nhân tố về tổ chức – kỹ thuật

Nhân tố về tổ chức kỹ thuật gồm: các hình thức tổ chức sản xuất trong nông nghiệp, tiếp thu khoa học kỹ thuật và đưa vào thực tế áp dụng. Các mô hình kinh tế nông nghiệp mới tạo điều kiện cho nông nghiệp và nông thôn phát triển mạnh mẽ chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp. Trong nội bộ ngành nông nghiệp, giảm tỷ trọng ngành trồng trọt xuống, tăng tỷ trọng ngành chăn nuôi lên.

1.5. Các chỉ tiêu đánh giá sự phát triển kinh tế nông nghiệp

* **Giá trị sản xuất nông nghiệp**

- Giá trị sản xuất nông nghiệp (GO): là toàn bộ của cải vật chất và dịch vụ nông nghiệp được tạo ra trên một đơn vị lãnh thổ, trong một thời kỳ nhất định thường là một năm.

Công thức: $GO = \sum_{i=1}^n Qi * Pi$

Trong đó: Qi là khối lượng sản phẩm loại i

Pi là đơn giá sản phẩm i

*** Tốc độ tăng trưởng giá trị sản xuất nông nghiệp**

- Công thức tính:

+ Lấy năm đầu tiên làm năm gốc.

$$\text{Tốc độ tăng trưởng năm sau} = \frac{\text{Giá trị sản xuất năm sau}}{\text{Giá trị sản xuất năm gốc}} * 100\%$$

*** Năng suất nông nghiệp**

$$\text{Năng suất} = \text{Giá trị sản lượng} / \text{Diện tích}$$

Năng suất nông nghiệp là tiêu chí phản ánh hiệu quả của việc sử dụng lao động và khả năng áp dụng khoa học – kỹ thuật trong sản xuất nông nghiệp. Hoạt động sản xuất nông nghiệp cần nhiều sức lao động của con người, nhưng giá trị tạo ra lại không cao nên năng suất lao động nông nghiệp thường thấp hơn nhiều so với các ngành kinh tế khác. Mặt khác, tỉ lệ sử dụng thời gian trong lao động nông nghiệp cũng thấp hơn so với công nghiệp và dịch vụ do tính chất thời vụ của sản xuất nông nghiệp, mức độ áp dụng khoa học – kỹ thuật càng cao thì giá trị sản xuất được tạo ra trong nông nghiệp càng tăng lên một số lượng lao động nông nghiệp ngày càng giảm.

*** Việc làm và thu nhập lao động**

Áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất và tổ chức lại sản xuất nông nghiệp. Chuyển đổi cơ cấu cây trồng vật nuôi theo hướng sản xuất hàng hóa, có giá trị gia tăng cao. Tăng tỷ trọng ngành chăn nuôi và ngành nghề nông thôn. Tạo liên kết chặt chẽ giữa nông dân - doanh nghiệp - nhà khoa học - nhà quản lý. Thúc đẩy mạnh mẽ vùng trồng cây công nghiệp gắn với mô hình hợp tác chế biến, tạo sự liên kết, hợp tác, phát triển các hợp tác xã nông nghiệp hình thành chuỗi sản xuất tiên tiến. Tăng cường thu hút doanh nghiệp đầu tư vào địa bàn nông thôn. Chú trọng thúc đẩy công nghiệp chế biến nông sản và công nghiệp sử dụng nhiều lao động.

Chương 2

ĐẶC ĐIỂM CƠ BẢN CỦA XÃ KHAO MANG, HUYỆN MÙ CANG CHẢI, TỈNH YÊN BÁI

2.1. Điều kiện tự nhiên của xã Khao Mang, huyện Mù Cang Chải

2.1.1. Vị trí địa lý

Khao Mang là một xã vùng cao nằm ở phía Tây của huyện Mù Cang Chải dọc theo Quốc lộ 32, cách trung tâm huyện 13 Km, cách trung tâm thành phố Yên Bái 195 Km.

Có tọa độ $21^{\circ}53'54''$ vĩ độ Bắc và $104^{\circ}0'8''$ kinh độ Đông và tiếp giáp với các đơn vị hành chính sau:

- Phía Bắc giáp với xã Nậm Xay, huyện Văn Bàn, tỉnh Lào Cai;
- Phía Đông giáp với xã Mồ Dề;
- Phía Tây giáp với xã Hồ Bốn;
- Phía Nam giáp với xã Lao Chải.

2.1.2. Diện tích tự nhiên

Xa Khao Mang có tổng diện tích đất tự nhiên là 6.636,55 ha, trong đó đất sản xuất nông nghiệp là 4.749,74 ha, đất phi nông nghiệp là 155,96 ha, đất chưa sử dụng là 1.730,85 ha.

Xã Khao Mang bao gồm 8 bản: Bản Sáo Mả Pán, Bản Háng Dề Đài, Bản Khao Mang, Bản Nả Dề Thàng, Bản Háng Bla Ha A, Bản Háng Bla Ha B, Bản Háng Cháng Lừ và Bản Thái.

2.1.3. Đặc điểm địa hình

Xã Khao Mang có địa hình phức tạp nhiều núi cao, độ cao trung bình so với mặt nước biển là 1.000 m. Đất đai trong xã do chịu ảnh hưởng của hoạt động kiến tạo nên địa hình xã Khao Mang rất phức tạp, mức độ chia cắt sâu ngang rất mạnh mẽ bởi các núi cao chạy dài theo hướng Đông Bắc – Tây Nam, độ dốc trung bình 25° - 30° thảm thực vật chủ yếu là rừng gỗ, cây rừng bụi tạp. Đặc điểm của đất là có hàm lượng mùn khá cao nhưng thường xuyên bị quá trình Feralit xảy ra, đất được hình thành trên nền đất trầm tích, đá xít và thảm thực vật.

2.1.4. Khí hậu thời tiết

Khí hậu xã Khao Mang nằm trong vùng nhiệt đới gió mùa, có mùa đông lạnh và khô, mùa hè nóng ẩm và mưa nhiều đến sớm từ tháng 5, kết thúc vào tháng 9. Lượng mưa bình quân năm trung bình và phân bố không đồng đều, vào mùa mưa từ tháng 6 đến tháng 8 chiếm 90% lượng mưa cả năm và tập trung cao nhất vào tháng 7 và tháng 8, số ngày mưa trung bình 20 ngày/tháng, lượng mưa lớn nhất vào giữa tháng 7, ngoài ra hàng năm còn có lượng nước mưa trên 2.000 ml bổ sung thêm một lượng nước đáng kể cho sinh hoạt và sản xuất nông nghiệp. Các tháng khô hạn bắt đầu từ tháng 12 năm trước đến tháng 3 năm sau, gây ảnh hưởng trực tiếp đến cây trồng, đặc biệt là hệ thống các loại cây trồng ngắn ngày.

2.1.5. Thủy văn

Trên địa bàn của xã Khao Mang có con suối lớn là suối Nậm Kim chạy dọc theo Quốc lộ 32, bắt nguồn từ đỉnh Nả Háng Tâu (giáp Cao Phạ) chảy qua xã Pú Luông, La Pán Tản, Dế Xu Phình, Chế Cu Nha, thị trấn Mù Cang Chải, xã Mồ Dề, Kim Nọi, Lao Chải, Khao Mang và còn có nhiều suối nhỏ nằm rải rác trên địa bàn xã có độ dốc lớn vào mùa mưa từ tháng 7 đến tháng 8 thường hay có lũ. Với lượng nước dồi dào đủ cung cấp cho sản xuất nông nghiệp và sinh hoạt cho nhân dân trong xã.

2.1.6. Tài nguyên

*** Đất đai**

Hiện trạng sử dụng đất của xã Khao Mang năm 2020 được thể hiện qua bảng sau:

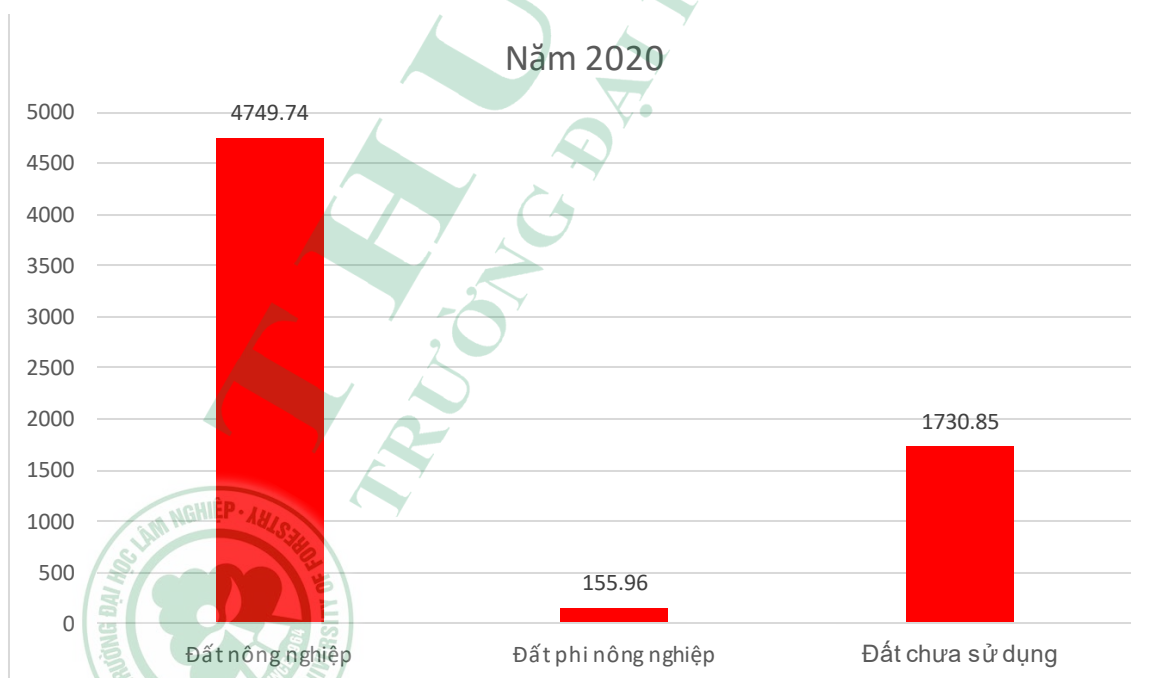


Bảng 2.1: Hiện trạng sử dụng đất của xã Khao Mang năm 2020

STT	Loại đất	Diện tích (ha)	Tỷ lệ (%)
	Tổng diện tích tự nhiên	6.636,55	100
1	Đất nông nghiệp	4.749,74	71,57
1.1	Đất sản xuất nông nghiệp	1.237,22	18,64
1.2	Đất lâm nghiệp	3.502,53	52,78
1.2.1	Đất rừng phòng hộ	3.279,62	49,42
1.2.2	Đất rừng sản xuất	222,89	3,36
1.3	Đất nuôi trồng thủy sản	10	0,15
2	Đất phi nông nghiệp	155,96	2,35
3	Đất chưa sử dụng	1.730,85	26,08

Nguồn: UBND xã Khao Mang

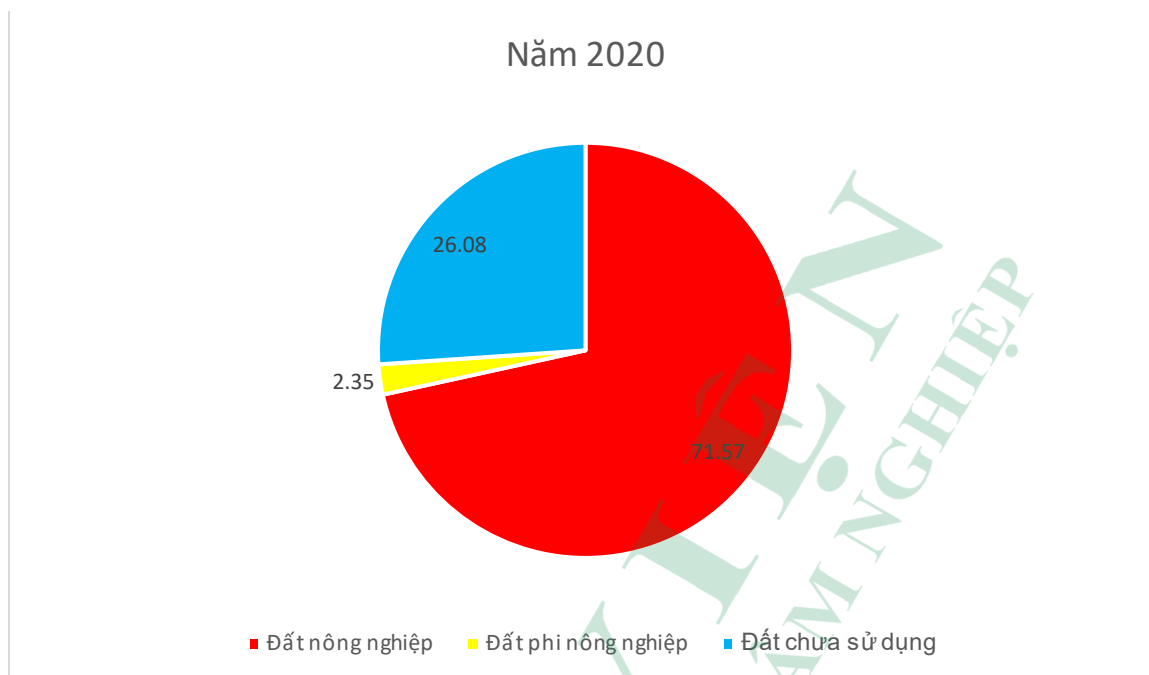
Từ bảng số liệu trên ta có biểu đồ thể hiện diện tích sử dụng đất của xã Khao Mang năm 2020.



Biểu đồ 2.1: Diện tích đất của xã Khao Mang năm 2020

Nguồn: UBND xã Khao Mang

Từ bảng số liệu 2.1 ta có biểu đồ thể hiện cơ cấu sử dụng đất của xã Khao Mang năm 2020.



Biểu đồ 2.2: Cơ cấu sử dụng đất của xã Khao Mang năm 2020

Từ bảng 2.1 cho ta thấy:

Đất nông nghiệp chiếm diện tích lớn nhất là 4.749,74 ha, chiếm tỷ lệ 71,57%. Trong tổng diện tích đất nông nghiệp thì đất sản xuất nông nghiệp chiếm diện tích nhỏ nhất với diện tích là 1.237,22 ha, chiếm tỷ lệ 18,64%. Tuy nhiên nông nghiệp vẫn là ngành sản xuất chính của xã mặc dù diện tích chiếm tỷ trọng rất thấp so với các ngành khác. Đất lâm nghiệp chiếm diện tích lớn nhất là 3.502,53 ha, chiếm tỷ lệ 52,78% trong đó đất rừng phòng hộ là 3.279,62 ha, chiếm tỷ lệ 49,42%, đất rừng sản xuất là 222,89 ha, chiếm tỷ lệ 3,36%, đất lâm nghiệp chủ yếu là rừng tự nhiên do UBND xã giao cho 8 bản làm công tác quản lý và bảo vệ rừng. Và cuối cùng là đất nuôi trồng thủy sản chiếm 10 ha trong tổng diện tích đất nông nghiệp và chiếm tỷ lệ 0,15%.

Đất phi nông nghiệp với diện tích là 155,96 ha, chiếm tỷ lệ 2,35% trong tổng diện tích đất tự nhiên, con số này cho ta thấy đất phi nông nghiệp chiếm tỷ lệ nhỏ nhất trong tổng diện tích đất tự nhiên.

Đất chưa sử dụng chiếm diện tích là 1.730,85 ha với 26,08%, do đất bỏ hoang và đất chưa đưa vào sử dụng nên đất chưa sử dụng vẫn còn chiếm diện

tích lớn và do người dân bỏ hoang nhiều đất sản xuất nông nghiệp nên chính quyền địa phương chuyển thành đất chưa sử dụng.

*** Tài nguyên nước**

Xa Khao Mang nằm trong vùng thủy văn suối Nậm Kim là nguồn nước chủ yếu phục vụ cho sản xuất và sinh hoạt của nhân dân thông qua các công trình thủy lợi, ngoài hệ thống suối nhỏ suối Làm Mu, suối Háng Bla Ha, suối Háng Đề Đài, suối Đề Tho Mú chảy dọc theo các dãy núi và dũ nguồn nước chung cho toàn xã.

2.2. Tình hình kinh tế - xã hội của xã Khao Mang, huyện Mường Chải.

2.2.1. Dân số và lao động

Dân số: Xã Khao Mang có diện tích 6.636.55 ha. Tổng dân số của toàn xã là 5.464 người; tổng số sinh năm 2020 là 96 trẻ; tổng số người chết là 12 người (11/2020). Thành phần dân tộc 90% là dân tộc Mông, 5% là dân tộc Kinh và 5% là dân tộc Thái. Nghề nghiệp chủ yếu là nông nghiệp trồng cây lương thực. Trong những năm gần đây đã hình thành và phát triển một số ngành nghề như: dịch vụ, nghề rừng, buôn bán. Nhưng do trình độ dân trí ở mức chưa cao, trình độ thâm canh và khả năng áp dụng kỹ thuật trong canh tác để tăng năng suất của cây trồng còn hạn chế. Tỷ lệ đói nghèo ở mức cao, các bản đều nằm trong quy hoạch chương trình 135 của Chính phủ.

Lao động: Với 91% lao động trong tổng số lao động của toàn xã là đồng bào dân tộc thiểu số, trình độ thấp, phong tục tập quán lạc hậu.

Trong đó:

- + Tỷ lệ lao động qua đào tạo chiếm tỷ lệ thấp 27% (2020)
- + Còn lại là lao động trong nông, lâm, ngư nghiệp và phần lớn là không qua đào tạo.

2.2.2. Cơ sở hạ tầng

Trong những năm gần đây được sự quan tâm của Đảng và Nhà nước, thực hiện nhiều mục tiêu xóa đói giảm nghèo cho các xã vùng sâu, vùng xa. Đã xây dựng được nhiều các cơ sở như: Trường học, trạm xá, kênh mương tưới tiêu,

điện lưới quốc gia... Tuy nhiên những công trình cơ sở hạ tầng vẫn chưa đáp ứng được nhu cầu của nhân dân. Nhiều bản trường học còn tạm thời. Phong tục tập quán còn lạc hậu, nhiều thủ tục chưa được khắc phục... Nhìn tổng thể bức tranh văn hóa xã hội, cơ sở hạ tầng của xã thay đổi còn chậm, chưa đáp ứng được nhu cầu văn hóa xã hội của nhân dân.

Giao thông: Mặc dù Khao Mang là một xã nghèo vùng cao với địa hình phức tạp đi lại khó khăn nhưng những năm qua được sự hỗ trợ của Nhà nước, xã Khao Mang đã mở rộng và xây dựng nhiều tuyến đường. Hầu hết các bản đều có đường xe máy đến bản và có 3 bản có đường ô tô đến bản. Hiện nay Nhà nước đang đầu tư mở và nâng cấp các tuyến đường liên bản và xã. Tuy nhiên, ở các bản đường giao thông chưa phát triển nên việc vận chuyển hàng hóa, lương thực chủ yếu bằng sức người và ngựa thồ. Việc vận chuyển phân bón, đi lại đến nơi sản xuất ở các lô đất xa, dốc rất phức tạp...

Thủy lợi: Hệ thống thủy lợi của xã nằm trong hệ thống quản lý do công ty khai thác công trình thủy lợi quản lý. Hệ thống kênh mương trên địa bàn xã về mặt số lượng và mạng lưới đầy đủ đảm bảo cho việc điều tiết nước tưới tiêu trong sản xuất thời vụ, tuy nhiên phần lớn các kênh mương chưa được kiên cố hóa nên gây thất thoát không ít nước trong sản xuất.

Hệ thống điện: Hệ thống điện lưới của xã được lấy chủ yếu từ thủy điện Mường Kim, Hồ Bốn và một phần được kéo từ nhà máy thủy điện Sơn La sang. Hiện nay tỷ lệ hộ được sử dụng điện lưới quốc gia là 85% tổng số hộ trong toàn xã.

Trường học: Toàn xã có tổng 03 trường học với 3 bậc học (mầm non, tiểu học và trung học cơ sở):

Trường mầm non: Năm học 2020 - 2021 thực hiện 14/14 lớp với 460/446 học sinh đạt 103,1% kế hoạch giao, trong đó:

- + Mẫu giáo là 13 lớp với 437/436 học sinh đạt 100,2% kế hoạch;
- + Nhà trẻ là 01 lớp với 23/23 học sinh đạt 100% kế hoạch.

Tổng số cán bộ, giáo viên, nhân viên là 29 người, trong đó: 3 CBQL; 24 Giáo viên; 2 Nhân viên.

Trường tiểu học: Tổng số học sinh năm học 2020 – 2021 là 850 học sinh với 24 lớp. Học sinh ở bán trú 712/850 học sinh, chiếm 83,8%.

Tổng số cán bộ, giáo viên, nhân viên là 41 người, trong đó: 3 CBQL; 34 Giáo viên; 4 nhân viên (01 Hợp đồng 68).

Trường trung học cơ sở: Năm học 2020 - 2021 thực hiện 14 lớp với 550/551 học sinh đạt 99,8% kế hoạch giao. Học sinh ở bán trú 458/550, chiếm 83,3%.

Tổng số cán bộ, giáo viên, nhân viên là 32 người: 3 CBQL; 25 Giáo viên; 4 nhân viên (01 Hợp đồng 68).

Văn hóa – xã hội

Xã đã quan tâm đúng mức để nâng cao dân trí cho nhân dân các dân tộc thông qua công tác tuyên truyền, truyền thanh, truyền hình, nâng cao nhận thức của người dân về pháp luật cũng như đường lối chính sách của Đảng, Nhà nước.

Hàng năm chính quyền địa phương thường xuyên tuyên truyền nếp sống văn hóa mới, đăng ký bản văn hóa, gia đình văn hóa. Thực hiện cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh”.

Tại trung tâm xã có bưu điện văn hóa xã cung cấp dịch vụ viễn thông, sách báo, tạp chí phục vụ nhu cầu cho nhân dân. Tuy nhiên, do địa bàn trải rộng, nên phần lớn bưu điện xã chủ yếu cho các thôn bản lân cận. Xã có mạng lưới điện quốc gia đảm bảo để phục vụ sinh hoạt và sản xuất cho bà con nhân dân địa phương.

Về y tế

Công tác y tế luôn được quan tâm nhằm thực hiện tốt công tác chăm sóc sức khỏe cho nhân dân và nâng cao chất lượng khám chữa bệnh. Trên địa bàn xã có 01 trung tâm y tế đa khoa được xây dựng khang trang, mỗi bản có một y tế thôn ban phát huy tốt hiệu quả, trang thiết bị và chuyên môn, tận tâm, tận lực

chăm sóc sức khỏe, khám chữa bệnh cho người dân. Hiện nay có 100% dân số tham gia bảo hiểm y tế.

2.2.3. Cơ cấu kinh tế

* Sản xuất nông nghiệp

Trong những năm gần đây nền kinh tế của xã đã phát triển theo hướng tích cực, tất cả các ngành sản xuất, xây dựng cơ sở hạ tầng đều có những bước phát triển đáng kể, đời sống nhân dân được cải thiện rõ rệt. Hình thức tổ chức sản xuất của xã chủ yếu là kinh tế hộ gia đình, sống chủ yếu là tự cung tự cấp.

Công tác khuyến nông luôn được các cấp ngành quan tâm. Hệ thống khuyến nông từ xã xuống cơ sở bao gồm công chức địa chính, công chức khuyến nông lâm và các khuyến nông viên.

Nhân dân tiếp thu các tiến bộ khoa học kỹ thuật áp dụng vào sản xuất, đưa các cây, con giống có năng suất chất lượng tốt, có giá trị kinh tế cao, phù hợp với thị trường, nâng cao thu nhập, do vậy chất lượng cuộc sống nhân dân cả về chất và tinh thần ngày càng được nâng lên.

Nông lâm nghiệp, chăn nuôi là ngành sản xuất chính của xã là nguồn thu nhập chính của người dân địa phương.

Xã Khao Mang là một xã thuần nông, ngành trồng trọt và chăn nuôi là nguồn thu nhập chính của người dân. Tìm hiểu về các loại cây trồng chính của xã Khao Mang thể hiện qua bảng sau:

Bảng 2.2: Diện tích, năng suất, sản lượng một số cây trồng chính của xã Khao Mang năm 2020

STT	Loại cây trồng	Diện tích (ha)	Năng suất (tạ/ha)	Sản lượng (tấn)
1	Lúa mùa	350	41,7	1.459,5
2	Lúa xuân	280	54,5	1.504,2
3	Ngô	200	46,5	1.961,4

Nguồn: UBND xã Khao Mang

Qua bảng 2.2 cho ta thấy, lúa là cây lương thực chủ đạo của toàn xã được thể hiện ở diện tích, năng suất và sản lượng đều cao. Lúa mùa chiêm diện tích cao nhất nhưng năng suất và sản lượng lại thấp hơn so với lúa xuân. Lúa xuân giảm về mặt diện tích nhưng tăng về năng suất và sản lượng. Diện tích trồng lúa mùa 350 ha, năng suất là 41,7 tạ/ha cho sản lượng là 1.459,5 tấn. Diện tích trồng lúa xuân là 280 ha, năng suất là 54,5 tạ/ha cho sản lượng là 1.504,2 tấn. Với sự quan tâm của Đảng và Nhà nước, đặc biệt là chương trình kiến cố hóa kênh mương, nhờ vậy mà diện tích trồng lúa được thuận lợi. Người dân áp dụng, các tiến bộ khoa học kỹ thuật, đưa những loại giống, năng suất, chất lượng cao vào sản xuất. Ngoài ra, nhờ Chính sách trợ giá các loại giống và phân bón của Nhà nước hỗ trợ đồng bào dân tộc, đã làm cho năng suất lúa ngày càng tăng và ổn định.

Cây ngô có diện tích là 200 ha và năng suất là 46,5 tạ/ha cho sản lượng là 1.961,4 tấn. Trong những năm gần đây người dân đã chú trọng về việc sản xuất cây ngô, được sự hướng dẫn của cán bộ khuyến nông về áp dụng khoa học kỹ thuật để phục vụ sản xuất nên năng suất cây ngô tăng so với các năm trước. Với sản lượng ngô là 1.961,4 tấn người dân có thể phục vụ chăn nuôi hoặc đem đi bán.

*** Chăn nuôi, thú y**

Tình hình chăn nuôi và công tác thú y có mối quan hệ chặt chẽ với ngành trồng trọt. Sự phát triển của ngành chăn nuôi là một động lực thúc đẩy cho ngành trồng trọt và ngược lại. Với điều kiện tự nhiên và xã hội rất thuận lợi cho phát triển ngành chăn nuôi. Chính quyền địa phương rất quan tâm chỉ đạo phát triển ngành chăn nuôi, khuyến khích bà con nhân dân đầu tư phát triển mô hình trang trại chăn nuôi kết hợp vườn, ao, chuồng, rừng để tăng thu nhập, cải thiện đời sống nhân dân trong xã, đồng thời tận dụng nguồn phân bón hữu cơ để giảm bớt chi phí cho sản xuất nông nghiệp.

Nhìn chung với quy mô chăn nuôi của xã đang từng bước phát triển phục vụ nhu cầu đời sống của nhân dân đồng thời cung cấp một lượng phân chuồng

khá lớn trong trồng trọt. Tổng lượng gia súc gia cầm tăng. Điều này do chính quyền địa phương đã đẩy mạnh tuyên truyền vận động, xây dựng một số mô hình chăn nuôi hộ gia đình, hỗ trợ đầu vào như con giống hỗ trợ dịch vụ thú y để sản xuất theo quy mô lớn, để nhân ra diện rộng, các hộ gia đình nghèo được ưu tiên cho chính sách vay tiền các nguồn hỗ trợ đầu tư sản xuất tăng thu nhập xóa đói giảm nghèo.

Số lượng gia súc gia cầm của xã Khao Mang được thể hiện qua bảng sau:

Bảng 2.3: Số lượng gia súc, gia cầm của xã Khao Mang năm 2018 – 2020

STT	Con vật	Đơn vị	Năm		
			2018	2019	2020
1	Trâu	Con	1.150	1.195	1.270
2	Bò	Con	569	601	660
3	Lợn	Con	2.687	2.867	3.220
4	Dê	Con	792	834	910
5	Tổ ong	Tổ	218	265	285
	Tổng đàn gia cầm	Con	16.356	17.930	18.920

Nguồn: UBND xã Khao Mang

Qua bảng 2.3 cho ta thấy, tình hình chăn nuôi, gia súc, gia cầm của xã Khao Mang tương đối ổn định tăng đều theo các năm về số lượng như đàn trâu, bò, lợn, dê, tổ ong và gia cầm.

Trâu năm 2018 số lượng là 1.150 con đến năm 2019 thì tăng lên 1.195 con và năm 2020 là 1.270 con tăng 120 con so với năm 2018 và tăng 75 con so với năm 2019.

Bò có xu hướng tăng dần theo từng năm.

Lợn năm 2018 số lượng là 2.687 con đến năm 2019 tăng lên 2.867 con và năm 2020 là 3.220 con tăng 533 con so với năm 2018 và tăng 357 con so với năm 2019.

Dê 792 con năm 2018 tăng đến năm 2020 là 910 con.

Tổ ong có xu hướng tăng nhưng tăng chậm năm 2018 là 218 tổ đến năm 2019 tăng lên 265 tổ và đến năm 2020 tăng đến 285 tổ.

Gia cầm năm 2018 là 16.356 con lên đến năm 2019 thì tăng lên là 17.930 con và đến năm 2020 tăng lên là 18.920 con. Do được cơ quan chức năng tổ chức tiêm phòng thường xuyên trong các năm, nên dịch bệnh gây hại cũng vì đó mà giảm tạo điều kiện tốt cho đàn gia cầm phát triển.

*** Công nghiệp – xây dựng**

Mặc dù gặp nhiều khó khăn do tác động của lạm phát kinh tế, UBND xã đã tăng cường công tác tuyên truyền thực hiện đề án phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, vận động các hộ có cơ sở sản xuất ổn định và mạnh dạn đầu tư, mua sắm thiết bị, đổi mới công nghệ để nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm. Chủ động tìm kiếm thị trường, khai thác triệt để tiêu dùng trong dân cư và liên kết trong đầu tư kinh doanh. Số cơ sở sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp là 3 cơ sở, doanh thu bình quân từ 15 đến 30 triệu đồng/tháng.

*** Dịch vụ**

Những năm qua xã cũng khá phát triển về du lịch ruộng bậc thang, lượng du khách tăng mạnh, nhất là vào mùa nước đổ từ tháng 5 đến tháng 7 và mùa lúa chín từ giữa tháng 9 đến hết tháng 10. UBND xã đã chú trọng đầu tư mở đường đến các điểm du lịch và phê duyệt 4 điểm trồng giữ xe cho du khách. Chỉ đạo trồng 500 cây đào rừng, tổ chức vệ sinh môi trường, thu gom, tập kết rác thải các điểm du lịch và đường chính quốc lộ 32.

2.3. Những thuận lợi và khó khăn ảnh hưởng đến phát triển kinh tế - xã hội của xã Khao Mang, huyện Mù Cang Chải.

Qua nghiên cứu tình hình kinh tế - xã hội của xã Khao Mang, tôi nhận thấy những mặt thuận lợi và khó khăn sau:

2.3.1. Thuận lợi

- Nguồn tài nguyên thiên nhiên đa dạng và phong phú, cho phép phát triển sản phẩm nông, lâm có giá trị, cụ thể:

+ Về khí hậu: Rất đa dạng, phù hợp với các loại cây trồng ở vùng nhiệt đới, ôn đới thuận lợi cho sinh trưởng, phát triển của nhiều loại cây trồng, vật nuôi nhất là một số loại cây trồng có giá trị như cây nghệ, cây chuối, cây thảo quả và cây táo mèo.

+ Về tài nguyên đất: Khá phong phú với 4 loại đất, chủ yếu là đất xám mùn có hàm lượng mùn khá cao, tầng đất dày trên 1 mét, đây là loại đất có nhiều tiềm năng khai thác cho sản xuất nông, lâm nghiệp.

+ Về tài nguyên nước: Hệ thống khe suối phân bố rộng khắp và tương đối rộng đều trên toàn xã nguồn nước mặt rất quan trọng phục vụ đời sống sinh hoạt và phát triển sản xuất.

+ Về tài nguyên nhân văn: Với sự đặc sắc văn hóa các dân tộc “Ruộng bậc thang” trên địa bàn toàn xã.

- Nguồn nhân lực: Có nguồn lực lao động dồi dào, có sức khỏe, có kinh nghiệm canh tác trên đất dốc là một yếu tố quan trọng cho sự phát triển nông nghiệp – nông thôn.

- Đường ô tô có Quốc lộ 32 chạy qua trung tâm xã, thuận lợi cho việc đi lại và vận chuyển hàng hóa, nhiều công trình thủy lợi đã được xây dựng chủ động tưới tiêu cho lúa và hoa màu. Trường học, trạm y tế đã cơ bản đáp ứng yêu cầu khám chữa bệnh và học tập của người dân.

- Các phương tiện thông tin đại chúng đã được phủ sóng đến xã, tạo điều kiện tốt cho công tác tuyên truyền, phổ biến chủ trương của Đảng, Chính sách pháp luật của Nhà nước và kiến thức khoa học kỹ thuật áp dụng vào sản xuất nông nghiệp.

- Điều kiện tự nhiên của xã thuận lợi cho việc phát triển kinh tế - xã hội, có lực lượng lao động dồi dào, người dân cần cù sáng tạo, có kinh nghiệm trong lao động sản xuất, đáp ứng nhu cầu phát triển của ngành kinh tế, được sự quan tâm của Đảng và Nhà nước, các cấp chính quyền địa phương, có sự đầu tư của các dự án phát triển kinh tế - xã hội, cơ sở hạ tầng thiết yếu như: Điện, đường, trường học, trạm y tế, hệ thống thủy lợi được đầu tư cơ bản hoàn thiện, có nhiều

chính sách hỗ trợ tập huấn chuyển giao các tiến bộ khoa học kỹ thuật, trợ giá về các loại giống cây trồng trợ giá về phân bón đã tạo ra động lực hỗ trợ thúc đẩy nền kinh tế - xã hội của xã phát triển.

2.3.2. Khó khăn

- Mặc dù điều kiện khí hậu, thủy văn thuận lợi cho phát triển sản xuất nông nghiệp nhưng bên cạnh đó còn gặp những khó khăn như:

+ Cán bộ được giao phụ trách bản, bí thư chi bộ, trưởng bản chưa tập trung chỉ đạo quyết liệt, sát sao trong thực hiện các chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội; việc chấp hành chế độ công vụ chưa đảm bảo, nghiêm túc, chất lượng, hiệu quả công việc chưa cao.

+ Toàn bộ đất đai của xã nằm trên địa hình núi cao và núi trung bình, độ dốc lớn, lại bị chia cắt mạnh, đây là yếu tố hạn chế rất lớn cho việc giao lưu, vận chuyển hàng hóa và tổ chức sản xuất.

+ Khí hậu khắc nghiệt, chịu ảnh hưởng của gió Lào khô nóng, nhiều nắng, ít mưa, khô hạn và của gió mùa đông bắc mang nhiều hơi ẩm, giá lạnh tạo ra sương mù, sương muối, băng giá, mưa phùn làm ảnh hưởng rất lớn đến sự sinh trưởng và phát triển của vật nuôi cây trồng.

+ Xuất phát điểm của nền kinh tế thấp, khả năng phát huy các yếu tố nội lực còn hạn chế. Các nguồn lực, nguồn vốn đầu tư chủ yếu chiếm > 90% của Nhà nước và từ bên ngoài.

+ Tỷ lệ lao động qua đào tạo còn thấp, chất lượng đào tạo chưa đáp ứng được yêu cầu phát triển của nền kinh tế.

+ Tỷ lệ hộ nghèo, cận nghèo đã giảm nhưng chưa bền vững, trình độ dân trí còn thấp, chưa đồng đều, nhận thức còn nhiều hạn chế, vẫn còn tư tưởng trông chờ ỷ lại; một số phong tục lạc hậu vẫn còn tồn tại, việc thực hiện nếp sống văn hóa mới ở cơ sở chưa thật sự có hiệu quả, chưa mang lại bộ mặt mới trong đời sống văn hóa xã hội của người dân.

Chương 3
THỰC TRẠNG PHÁT TRIỂN KINH TẾ NÔNG NGHIỆP
TẠI XÃ KHAO MANG

3.1. Thực trạng sản xuất kinh tế nông nghiệp tại xã Khao Mang, huyện Mù Cang Chải, tỉnh Yên Bái.

3.1.1. Giá trị sản xuất nông nghiệp của xã Khao Mang

Trong giai đoạn năm 2018 – 2020 giá trị sản xuất nông nghiệp của xã Khao Mang có sự chuyển biến nhất định được thể hiện qua bảng sau:

Bảng 3.1: Giá trị sản xuất ngành nông nghiệp của xã Khao Mang giai đoạn năm 2018 – 2020

STT	Chỉ tiêu	Năm 2018	Năm 2019		Năm 2020		Tđptbq (%)
		Giá trị (triệu đồng)	Giá trị (triệu đồng)	Tđptlh (%)	Giá trị (triệu đồng)	Tđptlh (%)	
1	Trồng trọt	4.314,5	4.864,6	112,75	5.167,1	106,22	109,44
2	Chăn nuôi	4.865,3	5.497	112,98	5.150	93,69	102,88
3	Tổng	9.179,8	10.361,6	112,87	10.317,1	99,57	106,01

Nguồn: UBND xã Khao Mang

Qua bảng 3.1 trên ta thấy, giá trị sản xuất nông nghiệp trên địa bàn của xã chủ yếu tập trung vào hai mảng đó là trồng trọt và chăn nuôi. Có tốc độ phát triển bình quân là 106,01%.

Ngành trồng trọt có xu hướng tăng và là ngành chiếm tỷ trọng cao nhất trong giá trị sản xuất nông nghiệp trên địa bàn xã với tốc độ phát triển bình quân là 109,44%, cụ thể từ bảng số liệu trên ta có thể thấy giá trị sản xuất nông nghiệp năm 2018 đạt 4.314,5 triệu đồng, sang năm 2019 đạt 4.864,6 triệu đồng tăng 550,1 triệu đồng so với năm 2018, năm 2020 đạt 5.167,1 triệu đồng tăng 302,5 triệu đồng so với 2019 và tăng 852,6 triệu đồng so với năm 2018. Nguyên

nhân tăng mạnh là do điều kiện thời tiết thuận lợi và công tác phòng chống ngăn sâu bệnh được các cấp hướng dẫn và chỉ đạo sát sao cùng với các loại nông sản tăng lên nên là động lực mạnh kéo theo giá trị sản xuất nông nghiệp tăng nhanh.

Đối với ngành chăn nuôi qua ba năm 2018 – 2020 có xu hướng tăng giảm không đồng đều với tốc độ phát triển bình quân đạt 102,88%, cụ thể năm 2018 đạt 4.865,3 triệu đồng, sang năm 2019 đạt 5.497 triệu đồng tăng 631 triệu đồng so với năm 2018, năm 2020 đạt 5.150 triệu đồng giảm 347 triệu đồng so với năm 2019 và tăng 284 triệu đồng so với năm 2018. Nguyên nhân do ảnh hưởng của dịch bệnh, dịch tả Châu Phi cũng là một phần nên dẫn đến giá trị ngành chăn nuôi của năm 2020 bị giảm.

Vì vậy, để giá trị sản xuất nông nghiệp ngày càng phát triển tăng mạnh và đạt giá trị cao thì bà con nhân dân phải luôn trau dồi kiến thức, học hỏi về kỹ năng trồng trọt, chăn nuôi cùng với sự quản lý chỉ đạo của các cấp cần quan tâm, sát sao hơn đến tình hình thực tế sản xuất của người dân còn những mặt gì còn hạn chế, có đường lối chỉ đạo đúng đắn tạo điều kiện tốt cho bà con nhân dân. Tổ chức tập huấn và phổ biến kinh nghiệm cho các hộ gia đình, ngoài ra cần phải nghiên cứu các biện pháp phòng trừ dịch bệnh do ảnh hưởng bởi các yếu tố tự nhiên.

3.1.2. Thực trạng phát triển kinh tế theo nội bộ ngành nông nghiệp của xã

Khao Mang

3.1.2.1. Ngành trồng trọt

a. Cây lúa

Diện tích lúa của xã Khao Mang năm 2018 – 2020 được thể hiện qua bảng sau:



Bảng 3.2: Diện tích gieo trồng lúa của xã Khao Mang năm 2018 – 2020

STT	Chỉ tiêu	Năm 2018	Năm 2019		Năm 2020		Tđptbq (%)
		Diện tích (ha)	Diện tích (ha)	Tđptlh (%)	Diện tích (ha)	Tđptlh (%)	
1	Lúa mùa	350	350	100	350	100	100
2	Lúa xuân	260	273,8	105,31	280	102,26	103,77
3	Tổng	610	623,8	102,26	630	100,99	101,62

Nguồn: UBND xã Khao Mang

Qua bảng 3.2 cho ta thấy, năm 2018 tổng diện tích trồng lúa trong toàn xã là 610 ha, trong đó vụ lúa mùa là 350 ha, vụ lúa xuân là 260 ha. Sang năm 2019 diện tích lúa mùa không có gì thay đổi còn lúa xuân tăng 13,8 ha so với năm trước, sang năm 2020 thì diện tích lúa mùa cũng không thay đổi còn lúa xuân tăng 6,2 ha so với năm trước. Do vụ lúa xuân ít sâu bệnh và cho năng suất cao hơn nên cán bộ xã đã quy hoạch và vận động người dân trồng lúa xuân để tăng năng suất và thu nhập, với tổng tốc độ phát triển bình quân diện tích qua 3 năm đạt 101,62%.

Diện tích lúa vụ mùa từ năm 2018 – 2020 không thay đổi, nguyên nhân là do một số thanh niên trẻ bỏ nghề nông đi làm ở các thành phố, khu công nghiệp nên không khai hoang và mở rộng diện tích. Tuy nhiên được sự quan tâm của Nhà nước cán bộ khuyến nông xã đến hướng dẫn áp dụng khoa học kỹ thuật, bón phân và phun thuốc trừ sâu bệnh nên cho năng suất và sản lượng tăng theo từng năm. Một số loại phân bón như sau: phân chuồng, phân lân, phân kali, phân đạm, quy trình bón phân cho lúa thường bón bằng phân chuồng trong quá trình làm đất và phân lân, phân kali và phân đạm thường bón cùng lúc cấy và 1 tháng sau cấy. Một năm được khuyến nông xã bồi dưỡng phương pháp bón phân, phun thuốc và chăm sóc cây trồng cho người dân địa phương một lần/vụ.

Diện tích lúa xuân từ năm 2018 – 2020 có xu hướng tăng qua các năm, nguyên nhân là ít sâu bệnh cho năng suất cao hơn nên người dân tham gia gieo trồng lúa xuân ngày càng tăng. Với tốc độ phát triển bình quân của lúa xuân qua 3 năm là 103,77%. Tình hình sâu bệnh của lúa xuân là đầu vụ: bệnh đạo ôn ở cây lúa sinh trưởng nhanh, bệnh phát sinh vào giữa tháng 02, cao điểm vào cuối tháng 3 trở đi; cuối vụ: thời gian bắt đầu làm đồng, trở bông là khoảng thời gian bệnh khô vàng và rầy nâu phát triển mạnh. Công tác phòng trừ sâu bệnh được xã quan tâm thường xuyên tuyên truyền nên người dân địa phương đã ý thức phun thuốc tập trung hơn và cho hiệu quả cao.

Năng suất lúa của xã Khao Mang giai đoạn năm 2018 – 2020 được thể hiện qua bảng sau:

Bảng 3.3: Năng suất lúa của xã Khao Mang giai đoạn năm 2018 – 2020

STT	Chỉ tiêu	Năm 2018	Năm 2019		Năm 2020		Tđptbq (%)
		Năng suất (tạ/ha)	Năng suất (tạ/ha)	Tđptlh (%)	Năng suất (tạ/ha)	Tđptlh (%)	
1	Lúa mùa	46,3	39,4	85,1	41,7	105,84	94,91
2	Lúa xuân	55,4	54,9	99,1	54,5	99,27	99,19
3	Năng suất bình quân	50,85	47,15	92,72	48,1	102,02	97,26

Nguồn: UBND xã Khao Mang

Qua bảng 3.3 cho ta thấy, năng suất bình quân lúa giảm đến năm 2019 là 47,15 tạ/ha đến năm 2020 tăng lên là 48,1 tạ/ha. Cụ thể năng suất 2 vụ lúa tăng trưởng như sau: vụ lúa mùa năm 2020 năng suất đạt 41,7 tạ/ha tăng 20,74% so với năm 2019 với năng suất lúa đạt 39,4 tạ/ha; còn vụ lúa xuân năm 2020 năng suất đạt 54,5 tạ/ha giảm 0,17% so với năm 2019 với năng suất là 54,9 tạ/ha. Nhìn chung ta thấy năng suất lúa phát triển bình quân của 3 năm theo 2 vụ thì năng suất lúa mùa có xu hướng tăng giảm không đồng đều, còn năng suất lúa

xuân có xu hướng giảm dần qua các năm với năng suất bình quân tốc độ phát triển bình quân là 97,26%.

Sản lượng lúa của xã Khao Mang giai đoạn năm 2018 – 2020 được thể hiện qua bảng số liệu sau:

Bảng 3.4: Sản lượng lúa của xã Khao Mang giai đoạn năm 2018 – 2020

STT	Chỉ tiêu	Năm 2018	Năm 2019		Năm 2020		Tđptbq (%)
		Sản lượng (tấn)	Sản lượng (tấn)	Tđptlh (%)	Sản lượng (tấn)	Tđptlh (%)	
1	Lúa mùa	1.620,5	1.379	85,1	1.459,5	105,84	94,91
2	Lúa xuân	1.440,4	1.503,2	104,36	1.526	101,52	102,93
3	Tổng sản lượng	3.060,9	2.882,2	94,16	2.985,5	103,58	98,76

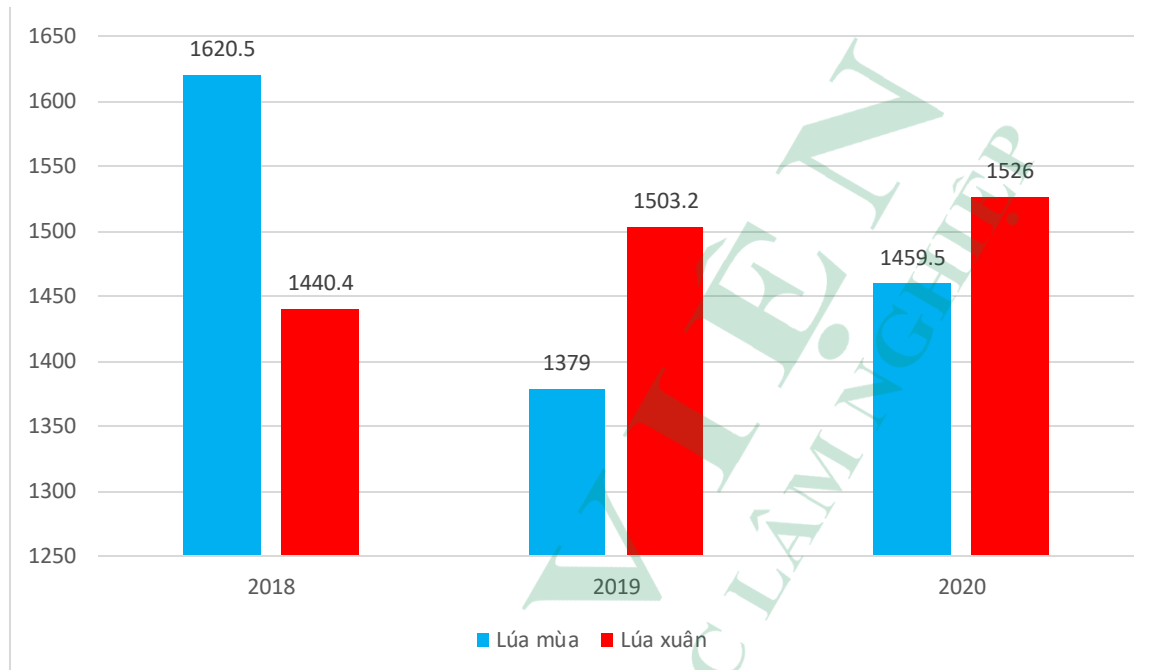
Nguồn: UBND xã Khao Mang

Qua bảng 3.4 cho ta thấy, sản lượng lúa 2 vụ có xu hướng tăng giảm không đồng đều qua các năm với tốc độ phát triển bình quân là 98,76%. Trong đó, vụ lúa mùa tăng giảm với tốc độ phát triển bình quân là 94,91%; vụ lúa xuân có xu hướng tăng với tốc độ phát triển bình quân là 102,93%.

Đối với vụ lúa mùa năm 2018 đạt 1.620,5 tấn, sang năm 2019 đạt 1.379 tấn giảm 241,5 tấn so với năm 2018, đến năm 2020 đạt 1.459,5 tấn tăng 80,5 tấn so với năm 2019 và giảm 161 tấn so với năm 2018. Nguyên nhân là do thời tiết khô nên không đủ lượng nước cho cây trồng dẫn đến sâu bệnh và bị chết khô làm mất mùa.

Đối với vụ lúa xuân năm 2018 đạt 1.440,4 tấn, sang năm 2019 đạt 1.503,2 tấn tăng 62,8 tấn so với năm 2018, đến năm 2020 đạt 1.526 tấn tăng 22,8 tấn so với năm 2019 và tăng 85,6 tấn so với năm 2018. Nguyên nhân là ít sâu bệnh cho ra năng suất cao và tăng diện tích gieo trồng lúa xuân nên kéo sản lượng tăng theo.

Qua bảng số liệu 3.4 trên ta có biểu đồ thể hiện giá trị sản lượng lúa của xã Khao Mang như sau:



Biểu đồ 3.1: Thể hiện giá trị sản lượng lúa của xã Khao Mang giai đoạn năm 2018 - 2020

b. Cây ngô

Diện tích, năng suất và sản lượng cây ngô của xã Khao Mang giai đoạn năm 2018 – 2020 được thể hiện qua bảng số liệu sau:

Từ bảng số liệu 3.5 cho ta thấy diện tích, năng suất và sản lượng có sự thay đổi qua các năm, cụ thể như sau:

Diện tích trồng cây ngô của xã trong 3 năm có sự giảm xuống mạnh với tốc độ phát triển bình quân đạt 69,01%. Nguyên nhân do người dân lấy đất trồng ngô trồng một số loại cây có giá trị kinh tế cao hơn như: cây táo mèo, sa nhân, sắn,... nên diện tích trồng ngô giảm mạnh. Diện tích ngô năm 2018 là 420 ha đến năm 2019 thì không có gì thay đổi, tuy nhiên đến năm 2020 thì giảm mạnh chỉ còn 200 ha.

Bảng 3.5: Diện tích, năng suất và sản lượng cây ngô của xã Khao Mang giai đoạn năm 2018 – 2020

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2018	Năm 2019		Năm 2020		Tđptbq (%)
			Giá trị	Giá trị	Tđptlh (%)	Giá trị	Tđptlh (%)	
1	Diện tích	Ha	420	420	100	200	47,62	69,01
2	Năng suất	Tạ/ha	45,1	47,2	104,66	46,5	98,52	101,54
3	Sản lượng	Tấn	1.894,2	1.982,4	104,66	930	45,91	69,32

Nguồn: UBND xã Khao Mang

Năng suất ngô năm 2018 đạt 45,1 tạ/ha, năm 2019 đạt 47,2 tạ/ha tăng 2,1 tạ/ha so với năm trước, đến năm 2020 đạt 46,5 tạ/ha giảm 0,7 tạ/ha so với năm 2019 và tăng 1,4 tạ/ha so với năm 2018. Với tốc độ phát triển bình quân qua 3 năm là 101,54%.

Sản lượng ngô năm 2018 đạt 1.894,2 tấn, năm 2019 đạt 1.982,4 tấn tăng 88,2 tấn so với năm 2018, đến năm 2020 đạt 930 tấn giảm 1.052,4 tấn so với năm 2019 và giảm 964,2 tấn so với năm 2018. Với tốc độ phát triển bình quân là 69,32%. Nguyên nhân năm 2020 giảm mạnh là do diện tích và năng suất giảm nên sản lượng giảm theo.

3.1.2.2. Tình hình phát triển ngành chăn nuôi

Trong những năm gần đây, ngành chăn nuôi của xã Khao Mang phát triển khá nhanh và chiếm tỷ trọng khá cao trong sản xuất nông nghiệp, đây cũng là xu hướng phát triển phù hợp với định hướng phát triển kinh tế nông nghiệp của cả nước và tỉnh Yên Bái.

Dưới đây là bảng số liệu thể hiện số lượng của các con vật nuôi trên địa bàn xã Khao Mang trong giai đoạn năm 2018 – 2020:

**Bảng 3.6: Số lượng các con vật nuôi trên địa bàn xã Khao Mang giai đoạn
năm 2018 – 2020**

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	2018	2019		2020		Tđptbq (%)
			Số lượng	Số lượng	Chênh lệch	Số lượng	Chênh lệch	
1	Trâu	Con	1.150	1.195	45	1.270	75	105,09
2	Bò	Con	569	601	32	660	59	107,70
3	Lợn	Con	2.687	2.867	180	3.220	353	109,47
4	Dê	Con	792	834	42	910	76	107,19
5	Tổ ong	Tổ	218	265	47	285	20	114,34
6	Gia cầm	Con	16.365	17.930	1.565	18.920	990	107,52

Nguồn: UBND xã Khao Mang

Từ bảng 3.6 ta thấy số gia súc, gia cầm của ngành chăn nuôi có sự biến đổi qua các năm:

Đối với đàn trâu: số lượng có xu hướng tăng lên với tốc độ phát triển bình quân là 105,09%, trong năm 2018 đạt 1.150 con, sang năm 2019 đạt 1.195 con tăng 45 con so với năm 2018, đến năm 2020 đạt 1.270 con tăng 75 con so với năm 2019 và tăng 120 con so với năm 2018. Nguyên nhân tăng là do công tác phòng chống rét cho đàn trâu được các cán bộ xã tuyên truyền hướng dẫn người dân một cách hợp lý nên số lượng đàn trâu bị chết rét đã giảm.

Đối với đàn bò: số lượng cũng có xu hướng tăng với tốc độ phát triển bình quân là 107,70%. Cụ thể năm 2018 đạt 569 con, sang năm 2019 đạt 601 con tăng 32 con so với năm 2018, đến năm 2020 đạt 660 tăng 59 con so với năm 2019 và tăng 91 con so với năm 2018. Nguyên nhân tăng là do công tác quản lý, dịch vụ về chăm sóc cho đàn bò trong thời tiết khắc nghiệt, lạnh giá được các hộ nông dân và cán bộ xã chú trọng nên số lượng bò chết do thiên tai và thời tiết giảm.

Đối với lợn: số lượng cũng có xu hướng tăng từ 2.687 con năm 2018 lên 3.220 con năm 2020 với tốc độ phát triển bình quân là 109,47%. Nguyên nhân là do nuôi lợn mang lại thu nhập khá cao cho người nông dân, trong địa bàn xã ngành chăn nuôi chủ yếu là dùng nông sản do chính mình làm ra làm thức ăn chăn nuôi nên tiết kiệm được chi phí cũng như cải thiện được thu nhập cho người nông dân nhưng hiện trạng chăn nuôi trong địa bàn xã cũng rất nhỏ lẻ, manh mún, chưa có quy mô sản xuất mang tính chất hàng hóa.

Đối với đàn dê: số lượng cũng có xu hướng tăng trong các năm, tăng mạnh nhất là năm 2020 đạt 910 con tăng 76 con so với năm 2019 và tăng 118 con so với năm 2018. Nguyên nhân tăng là do dê là một loại động vật ăn tạp, chăn thả tự do nên chỉ mất công chăn thả chứ không mất chi phí cho thức ăn, dễ nuôi ít có dịch bệnh, sinh sản nhanh và đặc biệt là giá thành sản phẩm đầu ra rất cao nên số lượng đàn dê có xu hướng tăng nhanh. Với tốc độ phát triển bình quân là 107,19%.

Đối với tổ ong: có xu hướng tăng với tốc độ phát triển bình quân là 114,34%. Cụ thể với số lượng tổ ong là 218 năm 2018, đến năm 2019 là 265 tổ tăng 47 tổ so với năm trước, đến năm 2020 là 285 tăng 20 tổ so với năm 2019 và tăng 67 tổ so với năm 2018. Nguyên nhân các hộ nông dân và cán bộ xã đã chú trọng làm tốt công tác quản lý và chăm sóc cho tổ ong nên số tổ bị chết do thời tiết mưa, lạnh giá và di rời tổ về rừng đã hạn chế.

Đối với gia cầm: có xu hướng tăng mạnh mẽ, tăng mạnh nhất là năm 2019 tăng 1.565 con so với năm 2018 và số lượng cao nhất là năm 2020 đạt 18.920 con. Với tốc độ phát triển bình quân của gia cầm qua 3 năm là 107,52%. Do các hộ chăn nuôi đã thay đổi phương thức chăn nuôi từ quy mô nhỏ lẻ sang quy mô lớn hơn, trên địa bàn xã đã xuất hiện nhiều trang trại nuôi gà, vịt thịt để lấy trứng với số lượng lớn, đây chính là nguyên nhân chính góp phần cho chăn nuôi gia cầm chuyển dịch nhanh từ dạng chăn nuôi quy mô nhỏ sang quy mô chăn nuôi lớn hơn.

3.1.2.3. Tình hình phát triển ngành nuôi trồng thủy sản

Diện tích nuôi trồng thủy sản năm 2018 là 7 ha, sang năm 2019 là 10 ha tăng 3 ha so với năm 2018, đến năm 2020 là 10 ha không có sự thay đổi về diện tích. Nguyên nhân chủ yếu trên địa bàn xã bà con nuôi cá để phục vụ sinh hoạt gia đình, xã chưa có định hướng về nuôi trồng thủy sản và người dân vẫn chưa quan tâm đến việc nuôi trồng thủy sản, do xã ở vùng miền núi nên việc tăng diện tích nuôi trồng thủy sản cũng rất khó khăn.

3.1.2.4. Chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp

Chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp của xã Khao Mang được thể hiện qua bảng số liệu sau:

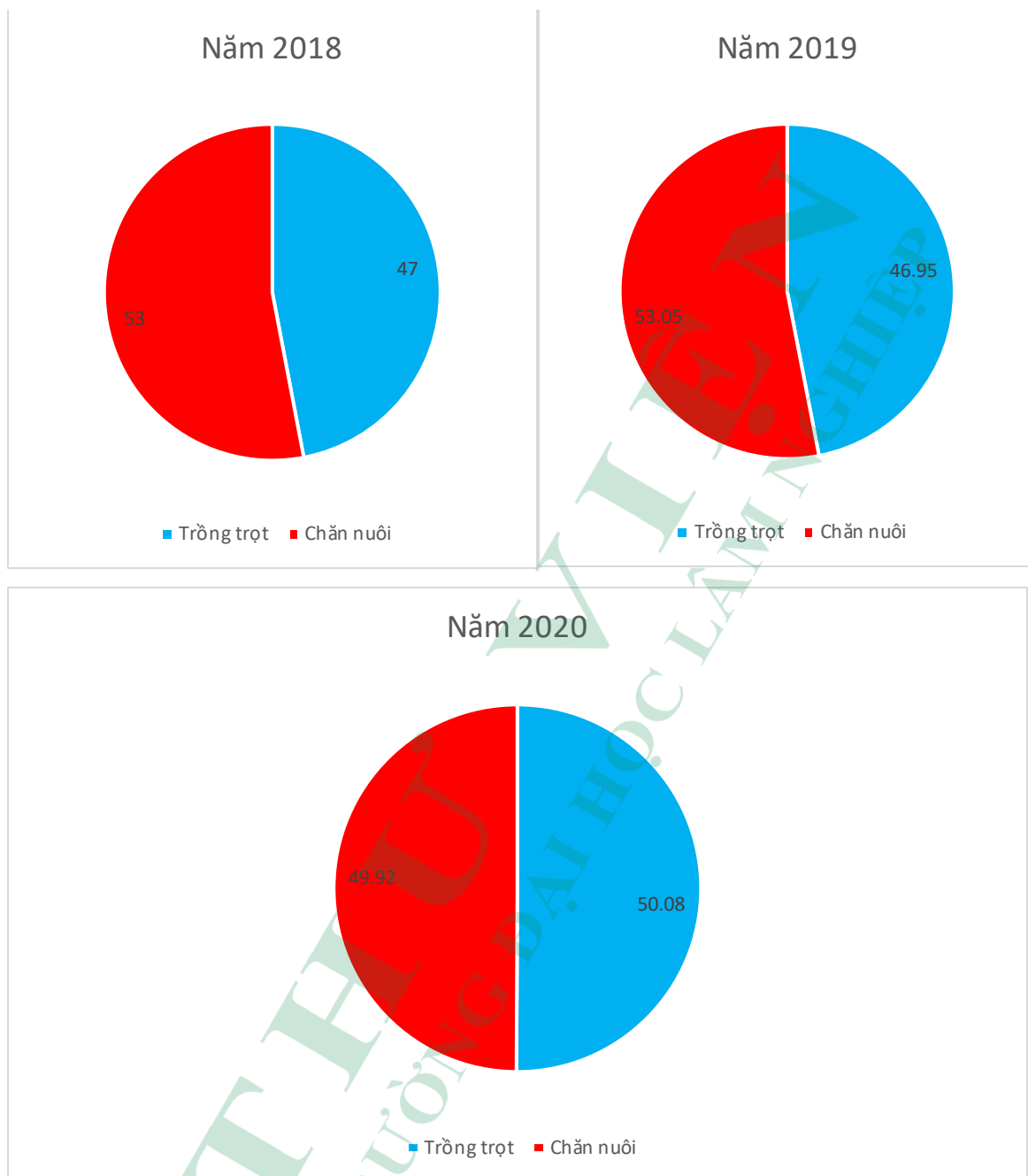
Bảng 3.7: Chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp trên địa bàn xã Khao Mang giai đoạn 2018 – 2019

STT	Chỉ tiêu	Năm 2018		Năm 2019		Năm 2020	
		Giá trị (triệu đồng)	Cơ cấu (%)	Giá trị (triệu đồng)	Cơ cấu (%)	Giá trị (triệu đồng)	Cơ cấu (%)
1	Trồng trọt	4.314,5	47	4.864,6	46,95	5.167,1	50,08
2	Chăn nuôi	4.865,3	53	5.497	53,05	5.150	49,92
3	Tổng	9.179,8	100	10.361,6	100	10.317,1	100

Nguồn: UBND xã Khao Mang

Từ bảng 3.7 trên ta có biểu đồ thể hiện chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp của xã như sau:





Biểu đồ 3.2: Thể hiện chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp của xã Khao Mang giai đoạn năm 2018 – 2020

Qua biểu đồ 3.2 trên cho thấy cơ cấu kinh tế nông nghiệp có sự biến đổi qua các năm, cụ thể như sau:

Ngành trồng trọt giảm từ 47% năm 2018 xuống 46,95% năm 2019, đến năm 2020 là 50,08% tăng lên 3,13% so với năm 2019. Nguyên nhân do chuyển

đổi một số cây trồng khác để đạt năng suất cao hơn và đem lại giá trị kinh tế cao cho người nông dân, nên làm thay đổi tỷ trọng của ngành trồng trọt.

Ngành chăn nuôi có xu hướng giảm năm 2018 đạt 53% giảm xuống còn 49,92% năm 2020. Nguyên nhân là do ảnh hưởng của dịch bệnh, thời tiết và biến đổi khí hậu ảnh hưởng trực tiếp đến đàn gia súc của người chăn nuôi, gây thiệt hại kinh tế cho người chăn nuôi, khiến cho ngành chăn nuôi giảm vào năm 2020.

3.2. Những yếu tố ảnh hưởng đến sự phát triển kinh tế nông nghiệp trên địa bàn xã Khao Mang.

Trong 3 năm qua ngành kinh tế nông nghiệp của xã Khao Mang có sự thay đổi và chuyển biến do ảnh hưởng của nhiều nhân tố sau:

3.2.1. Nhóm nhân tố tự nhiên

Yếu tố tự nhiên luôn ảnh hưởng trực tiếp đến sản xuất nông nghiệp, nó là các nhân tố tự nhiên như các yếu tố về đất đai làm ảnh hưởng trực tiếp đến quy mô, cơ cấu, năng suất và phân bố cây trồng, vật nuôi. Tại địa bàn xã, đất đai cũng tạo điều kiện thuận lợi cho phát triển sản xuất nông nghiệp. Thuộc vùng núi, độ dốc quá cao nên đã hình thành các vùng diện tích lớn, đất phì nhiêu, đất thịt thuận lợi cho phát triển cây lúa nước và cây ngô. Và cũng nhờ yếu tố đất đai hình thành, trên địa bàn xã hình thành các vùng canh tác cây trồng, vật nuôi. Bên cạnh sự thuận lợi không ít của các yếu tố đất đai thì yếu tố khách quan tác động đến sản xuất nông nghiệp của xã là khí hậu, thời tiết với lượng mưa bình quân tương đối cao đảm bảo nguồn nước cho sản xuất và sinh hoạt đời sống của người dân. Những năm thời tiết thuận lợi, cây trồng cho năng suất cao, sản xuất được mùa. Bên cạnh những thuận lợi nêu trên còn nhiều khó khăn cho việc sản xuất nông nghiệp khi điều kiện thời tiết không thuận lợi như: Mùa mưa thường kéo dài, lượng mưa lớn gây lũ lụt, sạt lở. Nắng nhiều khô hạn cạn kiệt nguồn nước ở những vùng địa hình cao. Khí hậu ẩm ướt sâu bệnh, dịch bệnh dễ phát sinh và lây lan gây ra nhiều tổn thất lớn đối với mùa màng.

3.2.2. Nhóm nhân tố đất đai

Chất lượng đất ngày càng một suy thoái bạc màu, do bón phân nhiều làm thay đổi tính chất hóa học của đất, công tác phục hồi đất chưa thực hiện được gây nhiều khó khăn cho canh tác nông nghiệp.

3.2.3. Nhóm nhân tố khoa học – kỹ thuật

Trên địa bàn xã Khao Mang sự phát triển về khoa học kỹ thuật chưa phát triển và việc áp dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất chưa được phổ biến chủ yếu sử dụng sức kéo của trâu, bò, số lượng máy cày, máy bừa của xã còn ít chỉ mới đưa vào sử dụng trong mấy năm gần đây và số lượng ít nên chưa đáp ứng được nhu cầu của người nông dân, vẫn phải phụ thuộc nhiều vào sức kéo cày của trâu bò.

3.2.4. Nguồn nhân lực

Nguồn lao động của xã trong ngành nông nghiệp giảm so với những năm trước, số lượng người trong độ tuổi lao động có một phần đi làm công nhân ở các khu công nghiệp ở các tỉnh, thành phố khác chủ yếu là thanh niên khỏe mạnh, cũng bởi thu nhập ở các khu công nghiệp cao hơn so với ngành nông nghiệp và ổn định hơn nên chuyển đổi cơ cấu lao động trong xã cũng có sự thay đổi. Còn lực lượng lao động chủ yếu của xã về ngành nông nghiệp chủ yếu đa phần là trung niên, người già và trẻ nhỏ nên năng suất lao động trong ngành nông nghiệp của xã còn chưa cao.

3.2.5. Nhóm nhân tố kinh tế - xã hội

Nhóm nhân tố kinh tế - xã hội có ảnh hưởng quan trọng đến quá trình phát triển sản xuất nông nghiệp của xã. Với dân số sống rải rác, lực lượng trong độ tuổi lao động ít, gây khó khăn lớn trong quá trình sản xuất và tiêu thụ sản phẩm của địa bàn xã, lực lượng lao động trong lĩnh vực sản xuất nông nghiệp ít. Trình độ kỹ thuật còn hạn chế, chưa qua đào tạo hay tập trung vào độ tuổi trung niên, phong tục tập quán còn lạc hậu. Nên gặp không ít khó khăn trong quá trình chuyển giao công nghệ, tiếp cận khoa học kỹ thuật.

3.3. Đánh giá chung sự phát triển kinh tế nông nghiệp của xã Khao Mang

3.3.1. Những kết quả đạt được

Trong giai đoạn năm 2018 – 2020 ta thấy tình hình phát triển của xã Khao Mang gặp không ít khó khăn như lũ lụt, mưa gió, sạt lở, hạn hán, rét đậm rét hại gây thiệt hại khá nhiều đến diện tích lúa, tuy nhiên cùng với sự cố gắng của người dân sản lượng và năng suất vẫn đạt kết quả cao cho nên lượng lương thực, thực phẩm cung cấp cho người dân vẫn đáp ứng đầy đủ. Ngành chăn nuôi cũng tương đối ổn định.

Những thành tựu đó là nhờ có đường lối đúng đắn của Đảng và Nhà nước, của các cấp cơ sở, các cán bộ khuyến nông đã nhiệt tình xuống tận nơi hướng dẫn, giúp người dân thực hiện để đạt được những kết quả đáng mong đợi như thế.

3.3.2. Những mặt hạn chế

Bên cạnh những thành tựu trên thì trong sự phát triển kinh tế nông nghiệp của xã vẫn tồn tại những hạn chế như:

Trong sản xuất gặp phải thời tiết xấu, lũ lụt, sạt lở nhưng công tác phòng chống vẫn chưa được thực sự quan tâm, nhưng rủi ro trong việc gieo trồng vẫn diễn ra. Thủy lợi chưa đáp ứng được nhu cầu sản xuất, hiệu suất tưới các công trình thấp. Sản xuất nông nghiệp cơ bản chưa thoát khỏi tình trạng sản xuất nhỏ, phân tán, manh mún. Chăn nuôi còn mang tính quảng canh, phân tán nhỏ lẻ. Quy mô sản xuất nông nghiệp chủ yếu theo hình thức hộ gia đình, chưa có mô hình trang trại sản xuất nông nghiệp là hàng hóa. Một số bộ phận dân còn nghèo, trình độ dân trí thấp.

Hệ thống cây trồng vẫn còn hạn chế, chưa đa dạng, chủ yếu vẫn là những cây trồng truyền thống. Việc triển khai thực hiện một số đề án phát triển kinh tế ở địa phương còn hạn chế. Nguyên nhân là do tập quán của nhân dân trong xã vẫn lấy cây lúa là cây giữ vai trò chủ đạo, một số cây công nghiệp và cây ăn quả vẫn chưa được đầu tư đúng mức, nhỏ, lẻ, chưa đồng bộ.

Việc áp dụng khoa học kỹ thuật vào sản xuất chưa được phổ biến trên địa bàn xã, chỉ tập trung tại một số nơi điển hình. Nguyên nhân là do điều kiện địa hình.

Chưa biết đầu tư quy hoạch để xây dựng các khu nuôi thả lại với nhau như nuôi lợn thả cá, nuôi trâu bò với thả cá. Đó là nguyên nhân dẫn đến lãng phí các nguồn lực trong sản xuất nông nghiệp.

Chưa có khả năng tổ chức hàng hóa và cung ứng quy mô lớn về số lượng, chất lượng cho nhu cầu tiêu thụ nông sản của thị trường có cạnh tranh. Nguyên nhân do lao động không quen làm ăn lớn, thiếu vốn, hệ thống canh tác chưa đủ điều kiện thâm canh, chuyên canh chưa tạo được chuỗi liên kết sản xuất tiêu thụ.

Quy trình phát triển kinh tế nông nghiệp của xã cũng có tác động lớn đến môi trường nhất là môi trường đất và nước. Việc khai thác đất đai không hợp lý cũng như việc lạm dụng nhiều phân bón hóa học, thuốc trừ sâu sẽ làm ô nhiễm đất, nước sẽ làm ảnh hưởng đến chất lượng của đất dẫn đến năng suất và sản lượng cây trồng, vật nuôi giảm.

3.4. Một số giải pháp nhằm thúc đẩy phát triển phát triển kinh tế nông nghiệp trên địa bàn xã Khao Mang

3.4.1. Định hướng, mục tiêu phát triển kinh tế nông nghiệp trên địa bàn xã Khao Mang

3.4.1.1. Định hướng phát triển kinh tế nông nghiệp của xã Khao Mang

Hình thành các vùng chuyên canh như vùng lúa chất lượng cao, vùng rau an toàn, vùng chăn nuôi tập trung. Tận dụng khai thác diện tích mặt nước ao hồ, suối để phát triển thủy sản. Đẩy mạnh quá trình đầu tư thâm canh và nâng cao chất lượng sản phẩm, trên cơ sở đó phát triển các vùng chuyên canh và ứng dụng rộng rãi khoa học công nghệ vào sản xuất, đặc biệt là công nghệ sinh học, kỹ thuật mới phù hợp với điều kiện tự nhiên, kinh tế xã hội của xã.

Tăng cường đầu tư xây dựng, cải tạo, nâng cấp các công trình thủy lợi, giao thông và cơ sở hạ tầng nông thôn khác. Đẩy mạnh quá trình chuyển dịch cơ cấu trong nội bộ ngành nông, lâm, thủy sản theo hướng sản xuất nông nghiệp.

Chuyển đổi diện tích các loại cây trồng năng suất thấp, kém hiệu quả sang cây công nghiệp và nuôi trồng thủy sản, chuyển đổi các loại cây trồng vật nuôi có chất lượng năng suất thấp sang các loại cây trồng, vật nuôi có chất lượng năng suất cao như trồng rau, màu. Phát triển nông, lâm, thủy sản kinh tế nhiều thành phần, khuyến khích phát triển kinh tế trang trại theo phương thức công nghiệp.

Liên kết, kêu gọi các nhà đầu tư hoạt động trong nông nghiệp. Tăng trưởng trong sản xuất nông nghiệp bền vững theo hướng sản xuất hàng hóa, đảm bảo năng suất, chất lượng sản phẩm. Mở rộng thị trường tiêu thụ sản phẩm nông sản, tận dụng tối đa thị trường tiêu thụ là các huyện, tỉnh và thành phố lân cận. Hình thành các kênh phân phối chất lượng cao, ngoài ra mở rộng diện tích trồng ngô, đậu tương, lạc, hoa màu và cây ăn quả. Trong chăn nuôi, phát triển đàn lợn, đàn trâu, đàn bò, dê và thủy sản.

Tạo môi trường kinh tế thuận lợi cho các loại thị trường như thị trường vốn, lao động, hàng hóa nông sản và các loại hoạt động dịch vụ khác để phát triển nông nghiệp, nông thôn. Có chính sách tín dụng ưu đãi đối với những hộ nông dân có nhu cầu đầu tư phát triển sản xuất hàng hóa theo hướng trang trại lớn, tạo nguồn hàng hóa lớn, ổn định, lâu dài. Phường chủ động phối hợp với các cơ quan chức năng tìm kiếm các hình thức bảo hiểm sản xuất cho nông dân, giúp nông dân hạn chế những rủi ro do dịch bệnh và sự biến động của thị trường nông sản, sản phẩm chặt chẽ với các nhà máy, xí nghiệp chế biến sản phẩm nông sản trên địa bàn để có kế hoạch chế biến, tiêu thụ sản phẩm hàng hóa nông sản.

3.4.1.2. Mục tiêu phát triển kinh tế nông nghiệp của xã Khao Mang

** Mục tiêu phát triển chung đến năm 2025*

Trên cơ sở khai thác tốt mọi nguồn lực, mọi cơ hội và lợi thế, phấn đấu đẩy nhanh tốc độ phát triển kinh tế của xã Khao Mang nói chung và kinh tế nông nghiệp nói riêng với các mục tiêu đến năm 2025 là:

- Đạt mức độ phát triển kinh tế toàn xã là từ 10 – 15%/năm; trong đó tốc độ phát triển ngành nông nghiệp từ 5 -7%/năm. Nông nghiệp kết hợp với công

ngành, dịch vụ và ngành nghề nông thôn, giải quyết cơ bản việc làm, nâng cao thu nhập của dân cư gấp 2 lần so với hiện tại.

- Đến năm 2025, giá trị sản xuất bình quân trong nông nghiệp đạt từ 70 – 80 triệu đồng/ha đất nông nghiệp; tỷ trọng giá trị sản xuất trong trồng trọt, chăn nuôi và dịch vụ nông nghiệp tương ứng là 59%, 33% và 8%.

- Xây dựng cơ sở hạ tầng nông thôn: nâng cao chất lượng kết cấu hạ tầng nông thôn, chú trọng xây dựng nâng cao hệ thống điện, hệ thống thủy lợi, hệ thống giao thông nông thôn. 100% xã có trường học, trạm y tế kiên cố; tăng cường đội ngũ cán bộ có trình độ, nâng cao trình độ tay nghề cho người lao động.

** Mục tiêu phát triển trong năm 2021*

- Tổng sản lượng lương thực có hạt 4.950,0 tấn, trong đó: Thóc 2.950,0 tấn, Ngô 1990,0 tấn.

- Tổng đàn gia súc chính 4.980 con (Trong đó: Đàn trâu 1.215 con, Đàn bò 640 con, Đàn lợn 3.125 con); Đàn dê 840 con. Tổng đàn gia cầm 18.000 con. Sản lượng thịt hơi xuất chuồng các loại là 230 tấn.

- Tỷ lệ che phủ rừng là 55,17%.

- Giá trị sản xuất công nghiệp (giá so sánh năm 2010) là 160 tỷ đồng.

- Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng là 29 tỷ đồng.

- Tổng thu ngân sách năm 2021 là 3.941.310.000 đồng, trong đó:

- + Thu ngân sách cấp trên là: 3.581. 310.000 đồng;

- + Thu trên địa bàn: 395.000.000 đồng. Trong đó xã thu 195.000.000 đồng.

- Giải quyết việc làm cho 86 lao động.

- Giảm tỷ lệ hộ nghèo 7% (tương đương giảm 67 hộ; dự kiến tổng số hộ là 1025 hộ).

- Về y tế: 99% nhân dân được sử dụng thẻ bảo hiểm y tế. Tỷ lệ giảm sinh 0,5%. Tỷ lệ phát triển tự nhiên 1,51%. Tỷ lệ trẻ em được tiêm chủng đủ 8 loại vắc xin 98%.

- Vệ sinh môi trường: Tỷ lệ gia đình có nhà vệ sinh 95%. Tỷ lệ hộ gia đình có nước hợp vệ sinh 100%.

3.4.2. Một số giải pháp phát triển kinh tế nông nghiệp tại xã Khao Mang

3.4.2.1. Một số giải pháp chung

**** Sử dụng hợp lý nguồn tài nguyên thiên nhiên***

Sử dụng hợp lý nguồn tài nguyên đất, bảo vệ nguồn nước, tăng cường khả năng ứng phó, thiên tai dịch bệnh trong thời kỳ mùa màng. Dựa vào đặc điểm địa hình, mà bố trí nuôi trồng phù hợp. Lựa chọn cây trồng, vật nuôi phù hợp với yếu tố tự nhiên, tài nguyên thiên nhiên để nâng cao năng suất. Nắm bắt tình hình thời tiết, các loại sâu, dịch bệnh để tránh bớt tác động tự nhiên như hạn hán, lũ lụt... để chủ động ứng phó một cách kịp thời và hiệu quả.

**** Phát triển thị trường sản xuất, nông lâm thủy sản.***

Nắm bắt thị trường tiêu thụ, dự báo giá cả nhằm định hướng sản xuất nông nghiệp hợp lý. Các doanh nghiệp tiếp tục triển khai thực hiện ký kết hợp đồng tiêu thụ nông sản cho nông dân theo tinh thần quyết định số 80/2002/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ. Xây dựng và nâng cấp các cơ sở chế biến nông, lâm sản trên địa bàn. Phòng kinh tế làm tốt công tác xúc tiến thương mại, thông tin kinh tế, nghiên cứu thị trường và chính sách phát triển thị trường đối với từng loại sản phẩm, hàng hóa. Cần kiểm soát tốt thị trường đầu vào phục vụ cho nông nghiệp như: giống, phân bón, thuốc bảo vệ thực vật. Tổ chức tốt hoạt động các chợ trên địa bàn, giúp nông dân tiêu thụ sản phẩm, tăng thu nhập để tái đầu tư.

**** Xây dựng cơ sở vật chất, kỹ thuật cho nông nghiệp, nông thôn mới.***

Để phát triển nông nghiệp, nông thôn toàn diện thì việc xây dựng cơ sở hạ tầng phải đi trước một bước. Trong những năm tới cần nâng cấp các công trình hiện có và phải đầu tư xây dựng các công trình quan trọng khác. Hệ thống vận tải, thông tin liên lạc phải bảo đảm thông suốt phục vụ tốt nhất cho sản xuất nông nghiệp. Xây dựng hệ thống chợ, các trung tâm bán buôn ở các vùng nông sản hàng hóa tập trung.

Giao thông: tập trung cải tạo, mở rộng và nâng cấp hệ thống đường giao thông của xã, với phương châm nhà nước và nhân dân cùng làm, áp dụng linh hoạt các hình thức quyền góp trong nhân dân.

Thủy lợi: xã cần nâng cao hiệu quả quản lý, khai thác triệt để năng lực tưới tiêu, đáp ứng yêu cầu thâm canh tăng vụ, bảo vệ sản xuất và đời sống, giảm đến mức tối thiểu thiệt hại do thiên tai gây ra.

Hệ thống điện: Hiện nay trong toàn xã với 85% số hộ sử dụng điện lưới quốc gia phục vụ cho sản xuất và sinh hoạt. Song việc cung cấp thêm điện, cải tạo và nâng cấp hệ thống điện cũ và xây dựng lắp đặt thêm các trạm biến áp mới để đảm bảo tốt cho sản xuất là việc nên làm thường xuyên. Giải quyết vấn đề này góp phần vào việc thúc đẩy nhanh quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp, nông thôn của xã trong những năm tới.

** Tăng cường phát triển kinh tế nông nghiệp theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa.*

Phát triển nông lâm thủy sản trên địa bàn xã phải thực hiện trên mối quan hệ hữu cơ với chiến lược phát triển kinh tế của huyện. Phát triển nông lâm thủy sản theo chiều sâu trên cơ sở khai thác có hiệu quả các nguồn lực cùng với thực hiện CNH – HĐH để tạo ra một nền nông nghiệp hàng hóa có chất lượng cao, đảm bảo thỏa mãn nhu cầu hiện tại và tương lai.

Đẩy mạnh tổ chức lại hệ thống nông nghiệp theo hướng nông thôn mới. Tập trung thực hiện các tiêu chí nông thôn mới, bao gồm: tập trung đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng nông thôn. Quy hoạch phát triển nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản thành vùng sản xuất hàng hóa tập trung. Đẩy mạnh chuyển giao, ứng dụng các thành tựu khoa học công nghệ tiên tiến vào sản xuất, trọng tâm là công nghệ sinh học, công nghệ sản xuất, thu hoạch và bảo quản. Khuyến khích các hoạt động tiêu thụ nông sản. Xây dựng mạng lưới khuyến nông, khuyến lâm, thú y, bảo vệ thực vật ở cơ sở. Hỗ trợ khuyến khích phát triển dịch vụ phục vụ sản xuất nông nghiệp để áp dụng có hiệu quả các tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất.

Phối hợp với các ngành của huyện, tỉnh thực hiện chuyển giao khoa học công nghệ cho nông dân, gắn kết các nhà khoa học với doanh nghiệp và nông dân. Phối hợp với địa phương tăng cường và nâng cao chất lượng công tác khuyến nông, khuyến lâm. Khuyến khích phát triển các cửa hàng cung ứng phân bón, thuốc bảo vệ thực vật, đồng thời vận động, hướng dẫn và tổ chức cho nông dân làm phân chuồng để cải tạo đất.

** Thực hiện một số chính sách nông nghiệp, nông thôn mới.*

Chính sách giá cho sản phẩm nông nghiệp: Do đặc điểm của sản xuất nông nghiệp phụ thuộc vào yếu tố tự nhiên có thể gặp rủi ro bởi thiên tai, đặc biệt là việc cung cầu hàng hóa nông sản kém co giãn so với sự biến động của giá cả trong cơ chế thị trường. Như vậy, việc hỗ trợ, trợ giá, bảo hiểm trong sản xuất nông nghiệp là sự cần thiết. Hơn nữa, nông sản là sản phẩm phục vụ nhu cầu đời sống xã hội cần phải được định hướng phát triển, đảm bảo nhu cầu nhất định cho xã hội.

Chính sách đào tạo nghề: Tăng cường công tác dạy nghề cho nông dân theo phương pháp huấn luyện IPM, học gắn liền với thực hành. Phối hợp với Sở ngành liên quan tổ chức các lớp dạy nghề cho nông dân tại các trung tâm dạy nghề và các trung tâm giáo dục cộng đồng. Khuyến khích nông dân tự học thông qua hình thức tham quan học hỏi các mô hình sản xuất tiên tiến.

Nâng cao hiệu quả sử dụng nguồn nhân lực: Phân bổ lao động hợp lý giữa các vùng là biện pháp quan trọng để sử dụng đầy đủ và hợp lý nguồn nhân lực trọng nông nghiệp. Thực hiện chuyển dịch cơ cấu lao động nông thôn, mở mang ngành nghề để thu hút lao động, giải quyết việc làm và khai thác hiệu quả thời vụ nông nhàn.

Chính sách đất đai: Đẩy nhanh tiến độ cấp quyền sử dụng đất nông nghiệp, lâm nghiệp đến từng hộ nông dân theo chủ trương của Nhà nước. Xác định mức độ hạn điền đối với đất nông nghiệp đặc biệt là các hộ phát triển trang trại. Thực hiện rà soát lại diện tích đất lâm nghiệp để quản lý tốt hơn. Ưu tiên và

khuyến khích các nông hộ mở trang trại nông lâm nghiệp, thông qua các chính sách cấp, cho thuê đất sử dụng lâu dài.

3.4.2.2. Một số giải pháp trong năm 2021

- Xây dựng và triển khai kế hoạch sản xuất các mùa vụ trong năm, đồng thời làm tốt công tác duy tu, bảo dưỡng các công trình thủy lợi đảm bảo đủ nước tưới cho sản xuất. Chủ động các phương án phòng chống chống khô hạn và phòng trừ sâu bệnh kịp thời.

- Tiếp tục tuyên truyền thực hiện tốt công tác chăn nuôi, phát triển đàn gia súc, gia cầm, phòng, chống dịch bệnh cho đàn gia súc, gia cầm.

- Theo dõi chặt chẽ diễn biến thời tiết, khí hậu; duy trì nghiêm công tác phòng chống lũ lụt, bão, giảm nhẹ thiên tai, tìm kiếm cứu nạn; xây dựng kế hoạch phòng cháy chữa cháy rừng mùa khô hạn 2020 -2021.

- Đẩy nhanh tiến độ thực hiện các chỉ tiêu đăng ký xây dựng nông thôn mới năm 2021.

- Triển khai thực hiện tốt các chương trình chính sách trên địa bàn; tăng cường thực hiện các giải pháp thu ngân sách địa phương đảm bảo đạt và vượt chỉ tiêu được giao, tăng cường kiểm tra, kiểm soát, chống thất thu ngân sách, kiểm tra giám sát chặt chẽ các khoản thu, chi trên địa bàn.

- Chủ động nắm tình hình liên quan đến an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn, nhất là tình hình xuất nhập cảnh, tình hình tôn giáo và tình hình tệ nạn ma túy.

- Thực hiện tốt các chính sách an sinh xã hội trên địa bàn như rà soát, cấp bổ sung thẻ bảo hiểm y tế cho các đối tượng còn tồn sót hoặc mới phát sinh, sổ hộ nghèo, sổ cận nghèo.

KẾT LUẬN

Trong 3 năm qua kinh tế nông nghiệp, đời sống nhân dân trên địa bàn xã Khao Mang, đã có sự phát triển mạnh cả về năng suất, chất lượng sản phẩm và giá trị sản xuất, về cơ cấu có sự chuyển dịch cơ bản đúng hướng và phát huy được khả năng lợi thế của vùng trong lĩnh vực. Mục tiêu, quan điểm, phương hướng và giải pháp phát triển kinh tế nông nghiệp trong những năm qua đã góp phần thực hiện thắng lợi công cuộc CNH – HĐH nông nghiệp, nông thôn góp phần thay đổi đáng kể, nâng cao thu nhập cho đời sống nhân dân trên địa bàn xã.

Sau quá trình tìm hiểu về thực trạng phát triển kinh tế nông nghiệp của xã Khao Mang – huyện Mù Cang Chải – tỉnh Yên Bái, ta thấy kết quả sản xuất nông nghiệp của xã đã đạt được những thành tựu nhất định. Tuy vậy, vẫn còn vấp phải không ít khó khăn và tồn tại, kìm hãm sự phát triển của nông nghiệp như tác động của thiên tai, lạm phát, cải tiến khoa học kỹ thuật áp dụng vào sản xuất còn chậm,... Chất lượng sản phẩm của xã còn chưa cao, năng suất lao động thực tế vẫn còn thấp, thương hiệu sản phẩm chưa được biết đến nhiều thị trường, tác động môi trường của ngành diễn biến phức tạp, chính sách và định hướng phát triển của chính quyền địa phương chưa đồng bộ... đã tác động đến sự phát triển của ngành và định hướng phát triển kinh tế nông nghiệp của xã. Vì vậy, trong tương lai để phát triển kinh tế nông nghiệp bền vững xã cần quan tâm ủng hộ và đồng lòng cùng chính quyền, người dân địa phương để nỗ lực phát huy những kết quả đạt được và khắc phục những khó khăn gặp phải để nâng cao giá trị, chất lượng nông nghiệp, phát triển bền vững nông nghiệp xã phù hợp với định hướng phát triển trong tương lai.



TÀI LỆU THAM KHẢO

1. Đỗ Kim Chung (2009), *Giáo trình nguyên lý kinh tế nông nghiệp*, NXB Nông nghiệp.
2. UBND xã Khao Mang, *Báo cáo tình hình thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 2018, phương hướng nhiệm vụ năm 2019*.
3. UBND xã Khao Mang, *Báo cáo tình hình thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 2019, phương hướng nhiệm vụ năm 2020*.
4. UBND xã Khao Mang, *Báo cáo tình hình thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 2020, phương hướng nhiệm vụ năm 2021*.

